

Số: /TANDTC-PC

(Dự thảo)

Hà Nội ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO**Tổng kết thực tiễn thi hành Luật Phá sản năm 2014**

Luật Phá sản năm 2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19/6/2014, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 (sau đây viết tắt là LPS 2014), thay thế cho Luật Phá sản năm 2004. LPS 2014 đã khắc phục những bất cập, hạn chế về thủ tục giải quyết các vụ việc phá sản của Luật Phá sản năm 2004 (sau đây viết tắt là LPS 2004), đồng thời tạo hành lang pháp lý để Tòa án giải quyết hiệu quả hơn việc phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây viết tắt là DN, HTX) lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Sự ra đời của LPS 2014 góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của DN, HTX, người lao động, chủ nợ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tạo điều kiện thuận lợi cho DN, HTX đang trong tình trạng sản xuất kinh doanh khó khăn, thua lỗ có cơ hội để rút khỏi thị trường, góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế; thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, sự lưu thông vốn trong nền kinh tế thị trường, thu hút đầu tư và tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh cho các nhà đầu tư. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai và thực hiện LPS 2014 vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập, đặc biệt là những vấn đề về thủ tục phục hồi; thủ tục phá sản doanh nghiệp; về thẩm quyền Tòa án; về thủ tục phá sản giản lược đối với DN, HTX có đủ điều kiện luật định; về Quản tài viên (sau đây viết tắt là QTV), doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (sau đây viết tắt là DNQL, TLTS); về hòa giải trong giải quyết phá sản; về giải quyết phá sản có yếu tố nước ngoài...

Để có cơ sở vững chắc cho việc đề xuất xây dựng LPS 2014 (sửa đổi), Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức tổng kết thực tiễn thi hành và xây dựng Báo cáo Tổng kết thực tiễn thi hành LPS 2014. Kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THI HÀNH LPS 2014**1. Về phổ biến, quán triệt và tổ chức thi hành Luật**

Để triển khai thi hành LPS 2014, ngay sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Tòa án nhân dân tối cao đã chủ trì và phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện nhiều hoạt động cụ thể như sau:

- Tổ chức 02 Hội thảo giới thiệu những nội dung mới của LPS 2014 và lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo một số văn bản hướng dẫn LPS 2014 với sự

tham gia của đại biểu các Tòa án, đại diện Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, cộng đồng doanh nghiệp và Luật sư¹.

- Tổ chức 03 Hội nghị tập huấn cho các Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp để giới thiệu những nội dung mới của LPS 2014².

- Biên soạn và phát hành đến tất cả các Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp cuốn Tài liệu hội nghị triển khai thi hành LPS 2014.

- Cử đoàn cán bộ gồm đại diện Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, giới Luật sư nghiên cứu, khảo sát về chế định QTV và thực tiễn hành nghề QTV tại Anh vào tháng 7/2015.³

- Tổ chức các khóa đào tạo đầu tiên cho QTV.⁴

- Tổ chức Diễn đàn Cải cách về phá sản tại Châu Á (Fair 10) tại Hà Nội vào 21, 22/11/2016; tham gia các Hội thảo, tọa đàm, học tập về phá sản trong và ngoài nước (Thái Lan, Singapore...) như Hội nghị tư pháp đa quốc gia lần thứ 12 về phá sản năm 2017, Diễn đàn Cải cách về phá sản tại Châu Á tại Thái Lan ngày 17, 18/9/2018...

- Tổ chức một số hội thảo, tọa đàm khoa học trong nước và quốc tế về pháp luật phá sản với sự phối hợp, tham gia của một số tổ chức quốc tế (Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA)), đại diện các Tòa án nhân dân trong cả nước, đại diện Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, một số QTV, DNQL, TLTS và các cơ quan liên quan khác. Hội thảo, tọa đàm nhằm học hỏi kinh nghiệm quốc tế về phá sản, trao đổi, chia sẻ nhiều khó khăn, vướng mắc khi áp dụng quy định của LPS 2014 của các Tòa án⁵.

- Phát huy lợi ích và sử dụng công nghệ thông tin hiệu quả, từ năm 2017, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức Hội nghị tập huấn trực tuyến trong toàn hệ

¹ Trong khuôn khổ hợp tác giữa Tòa án nhân dân tối cao và Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) thuộc nhóm Ngân hàng thế giới.

² Hội nghị được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 15,16/12/2014; tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ngày 17,18/12/2014; tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh ngày 25, 26/12/2014.

³ Trong khuôn khổ hợp tác giữa Tòa án nhân dân tối cao và Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) thuộc nhóm Ngân hàng thế giới.

⁴ Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao: Khóa đào tạo QTV đầu tiên được tổ chức tại Thành phố Hà Nội, ngày 20-21/10/2015, tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23, 24/10/2015. Khóa đào tạo thứ hai được tổ chức tại Thành phố Hà Nội, ngày 11,12/4/2016, tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14,15/4/2016.

⁵ Hội thảo về “Thực tiễn thi hành Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn” ngày 20, 21/9/2018 tại Đà Nẵng.

- Hội thảo khoa học về “Tổng kết thực tiễn thi hành Luật Phá sản năm 2014” ngày 04/12/2020 tại Hà Nội.

- Tọa đàm “Về các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ việc phá sản” ngày 25/3/2021 tại Hà Nội.

- Tọa đàm “Chế định QTV của Hàn Quốc - Kinh nghiệm cho Việt Nam” ngày 29/10/2021 tại Hà Nội.

thống Tòa án nhân dân nhằm mở rộng đối tượng cán bộ, công chức Tòa án được tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trong đó năm 2018 và năm 2020, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức tập huấn trực tuyến về pháp luật phá sản⁶.

2. Công tác soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Sau khi LPS 2014 được Quốc hội thông qua, Tòa án nhân dân tối cao đã phối hợp với Chính phủ, bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành quy định của LPS 2014. Trong đó, Chính phủ ban hành 02 Nghị định, quy định về QTV và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản DN, HTX; Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc xử lý tài sản hình thành từ nhiều nguồn vốn khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về quy chế làm việc của các Tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản; phối hợp ban hành Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp trong thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành 02 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật đối với một số quy định của LPS 2014. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao cũng tiếp nhận, nghiên cứu và giải đáp nhiều vướng mắc, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật. *(Chi tiết xem tại Phụ lục số 01 kèm theo Báo cáo này)*

Những văn bản, hướng dẫn nêu trên đã được ban hành kịp thời, đóng vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa LPS 2014, hướng dẫn và chỉ đạo thực thi thống nhất Luật này trên phạm vi toàn quốc.

3. Kết quả cấp Chứng chỉ hành nghề, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động hành nghề của QTV, DNQL, TLTS trong giải quyết phá sản

- Theo thống kê của Bộ Tư pháp, tính đến tháng 12/2023, Bộ Tư pháp đã thực hiện cấp Chứng chỉ hành nghề QTV cho 2073 trường hợp, hiện nay, cả nước có hơn 300 QTV hành nghề với tư cách cá nhân; hơn 70 DNQL, TLTS đang hoạt động⁷. Số lượng QTV hành nghề từ nguồn luật sư chiếm 60%, từ nguồn kiểm toán viên chiếm 10%, từ nguồn khác chiếm 30%.

- Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao chất lượng hoạt động hành nghề cho đội ngũ QTV luôn được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Bộ Tư pháp tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phá sản, kỹ năng hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, kỹ năng

⁶ - Tập huấn trực tuyến về “*Phá sản, nhìn từ góc độ phát triển kinh tế*” với sự trình bày của đồng chí Đặng Huy Đông, nguyên thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (ngày 21/5/2018).

- Tập huấn trực tuyến về “*Giải đáp một số vướng mắc trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản*” do đồng chí Nguyễn Văn Tiến Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ trì.

⁷ Danh sách QTV, DNQL, TLTS được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để các cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết, Tòa án tham khảo khi chỉ định QTV, DNQL, TLTS tham gia vụ việc phá sản.

hành nghề chuyên sâu về khôi phục doanh nghiệp phá sản và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ QTV với sự tham gia và chia sẻ kinh nghiệm của các QTV có kinh nghiệm trong nước và quốc tế (Hiệp hội QTV quốc tế, các chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực phá sản), các Thẩm phán giàu kinh nghiệm, qua đó, trang bị thêm nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn hành nghề cho đội ngũ QTV mới được hình thành tại Việt Nam.

- Tổ chức và hoạt động QTV, DNQL, TLTS đã và đang đi vào hoạt động ổn định; các QTV, DNQL, TLTS đã được Tòa án chỉ định tham gia trong nhiều vụ việc phá sản doanh nghiệp mà Tòa án đã thụ lý giải quyết và thực hiện tương đối hiệu quả nhiệm vụ của mình, góp phần giải quyết vụ việc phá sản, xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản được khách quan, minh bạch, thi hành có hiệu quả Quyết định tuyên bố phá sản của cơ quan Tòa án. Việc giải quyết các việc phá sản đã đạt được một số kết quả tích cực, cụ thể đến tháng 12/2023, QTV, DNQL, TLTS đã tiếp nhận hơn 500 vụ việc, tổng số tiền thù lao thu về hơn 8 tỷ đồng, tổng số tiền nộp thuế hơn 400 triệu đồng.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra: Bộ Tư pháp đã tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch hàng năm và đột xuất theo thông tin phản ánh của cá nhân, tổ chức, trong đó tập trung vào các địa phương mà qua thông tin quản lý, báo chí phản ánh có nhiều dấu hiệu vi phạm, qua đó, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Đồng thời, Bộ Tư pháp đã gửi văn bản tới các Sở Tư pháp nghiên cứu cơ chế phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong việc giám sát hoạt động hành nghề QTV, DNQL, TLTS trong việc thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật về phá sản.

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động hành nghề của QTV, DNQL, TLTS và kịp thời xử lý các trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật tại địa phương theo thẩm quyền.

4. Kết quả giải quyết vụ việc phá sản của Tòa án nhân dân

- Tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/9/2023, các Tòa án nhân dân đã thụ lý 1510 vụ việc phá sản. Trong số những vụ việc đã giải quyết, Tòa án đã ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với 554 vụ việc; trả lại đơn 66 vụ việc (trong đó có 01 vụ yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với hợp tác xã do đương sự rút đơn nên Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu); ra quyết định không mở thủ tục phá sản đối với 234 vụ việc; ra quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản đối với 150 vụ việc, trong đó 44 vụ việc là tuyên bố DN, HTX phá sản theo thủ tục rút gọn; ra quyết định đình chỉ thủ tục phá sản đối với 49 vụ việc. Số quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản đã bị đề nghị xem xét lại, kháng nghị là 12; số quyết định tuyên bố phá sản đã bị đề nghị xem xét lại là 14. Số vụ việc đã áp dụng thủ tục phục hồi kinh doanh là 06 vụ việc.

- Số lượng vụ việc phá sản mà Tòa án thụ lý, giải quyết tăng lên nhiều qua các năm, tập trung nhiều hơn ở các Tòa án cấp huyện nhưng không đồng đều giữa các tỉnh; đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tập trung ở Tòa án tại các tỉnh, thành phố có kinh tế phát triển như Bình Dương (154 đơn), Thành phố Hồ Chí Minh (138 đơn), Hà Nội (72 đơn), Đồng Nai (63), Hải Dương (52 đơn).

Một số Tòa án nhận được trên 10 đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản như Thanh Hóa (31 đơn), Hải Phòng (27 đơn), Tây Ninh (20), Đắk Lắk (18), Long An (17), Bình Định (15), Quảng Ninh (13), Bà Rịa - Vũng Tàu (12), Đà Nẵng (25 đơn), Quảng Nam (15)...

Các Tòa án không nhận được đơn và giải quyết đơn yêu cầu tuyên bố phá sản gồm các Tòa án: Cao Bằng, Lai Châu, Hà Giang, Tuyên Quang, Bạc Liêu, Đắk Nông, Kon Tum, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

- Trong số các vụ việc Tòa án đã ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản, căn cứ ra quyết định thường là Hội nghị chủ nợ thống nhất quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản, Hội nghị chủ nợ không thành công, không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán...

- Thời gian bắt đầu thụ lý đến khi giải quyết xong vụ việc phá sản (ra quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản hoặc đình chỉ thủ tục phá sản) phụ thuộc vào tính chất, mức độ phức tạp của từng vụ việc cũng như sự hợp tác của doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán. Có vụ việc phá sản bị kéo dài 10 năm, 16 năm đến nay vẫn đang thi hành. Vụ việc phá sản giải quyết nhanh nhất trong thời gian 01 tháng do doanh nghiệp đã mất khả năng thanh toán, không còn tiền, tài sản để thực hiện phương án phân chia tài sản.

5. Kết quả thi hành án vụ việc phá sản⁸

Theo thống kê của Bộ Tư pháp, từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2023, tổng số tiền và tỷ lệ thi hành xong các quyết định của Tòa án giải quyết phá sản tăng lên qua các năm. Nếu như năm 2015 tổng các Cơ quan thi hành án dân sự (*sau đây viết tắt là Cơ quan THADS*) thụ lý 42 vụ việc với số tiền phải thi hành là 305 tỷ; trong đó, có 13 vụ việc với 155 tỷ có điều kiện để thi hành thì tỷ lệ thi hành xong là 84,62% vụ việc với số tiền thi hành được chiếm 56,51%. Đến năm 2023, tổng các Cơ quan THADS thụ lý 324 vụ việc với số tiền phải thi hành là 2.198,8 tỷ; trong đó, có 202 vụ việc với 1.710,5 tỷ có điều kiện để thi hành thì tỷ lệ thi hành xong là 31,68 vụ việc nhưng số tiền thi hành được chiếm 87,90%.

Có thể thấy, tùy quy mô DN, HTX, mức độ phức tạp trong xử lý tài sản mà tỷ lệ giải quyết, tính hiệu quả trong mỗi vụ việc là khác nhau nhưng thấy rõ xu hướng vụ việc phá sản được Tòa án giải quyết cũng như được thi hành án ngày càng tăng lên theo cấp số nhân.

⁸ Công văn số 3770 /BTP-PLDSKT ngày 08/7/2024 của Bộ Tư pháp về kết quả rà soát, tổng kết thực tiễn thi hành Luật Phá sản năm 2014.

Kết quả giải quyết cho thấy LPS 2014 đã phân nào khắc phục những bất cập, hạn chế về thủ tục giải quyết các vụ việc phá sản của LPS 2004; tạo thuận lợi hơn cho việc xử lý tài sản của DN, HTX bị phá sản; bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ và góp phần giảm tải công việc liên quan đến chấp hành viên, Cơ quan THADS cũng như khắc phục tính không chuyên nghiệp của các thành viên trong quản lý, thanh lý tài sản.

II. HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, vướng mắc trong áp dụng các quy định của LPS 2014

1.1. Chương I - Những quy định chung

** Về nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (Điều 5)*

- Điều 5 của LPS 2014 quy định chưa bao quát hết các trường hợp phải có quyền hoặc nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Cụ thể:

+ Chưa bao gồm quyền nộp đơn của các chủ nợ có bảo đảm, chủ nợ là người được thi hành án theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hoặc chủ nợ và DN, HTX là các bên tranh chấp trong trường hợp bản án, quyết định đang được xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm dẫn đến không bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án hoặc đối với trường hợp tài sản bảo đảm không còn, tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ không phát sinh trong thực tế.

+ Chưa bao gồm quyền nộp đơn của đầy đủ các tổ chức đại diện người lao động: Bộ luật Lao động năm 2019 quy định bổ sung thêm một tổ chức đại diện người lao động không phải là công đoàn, theo đó “*Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở bao gồm công đoàn cơ sở và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp*”, tuy nhiên LPS 2014 mới chỉ quy định quyền nộp đơn đối với công đoàn cơ sở là chưa bao gồm hết các tổ chức đại diện người lao động.

+ Điều 27 LPS 2014 quy định kèm theo đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản “*phải có chứng cứ để chứng minh khoản nợ đến hạn*”. Tuy nhiên, đối với người lao động, tổ chức đại diện quyền lợi của người lao động thì việc chứng minh lương và các khoản nợ khác đến hạn là rào cản để họ thực hiện quyền của mình.

+ Chưa bao gồm quyền nộp đơn của thành viên, nhóm thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Nếu thành viên nhận thấy doanh nghiệp mất khả năng thanh toán thì chỉ trông chờ vào người đại diện theo pháp luật của DN, HTX nộp đơn. Điều này phân nào gây bất lợi cho thành viên, bởi nếu tình hình kéo dài có thể gây ảnh hưởng nhiều đến lợi ích của thành viên đó.

+ Chưa bao gồm nghĩa vụ nộp đơn của chủ nợ có bảo đảm có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN, HTX. Thực tiễn cho thấy, DN, HTX sử dụng các tài sản có giá trị của doanh nghiệp (như nhà xưởng, máy móc, dây chuyền sản xuất, giá trị quyền sử dụng đất...) thế chấp vay vốn của tổ chức tín dụng. Khi tổ chức tín dụng xử lý tài sản

bảo đảm để thu hồi nợ bằng hình thức mua lại toàn bộ tài sản thế chấp, thì các khoản nợ lương, nợ bảo hiểm, các khoản nợ khác không có bảo đảm sẽ không được thanh toán và có thể dẫn đến DN, HTX mất khả năng thanh toán.

- Về trường hợp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với DN, HTX đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bị yêu cầu giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Điều 207 Luật Doanh nghiệp. LPS 2014 chưa quy định trường hợp DN, HTX mất khả năng thanh toán nhưng đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bị yêu cầu giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Điều 207 Luật Doanh nghiệp thì việc giải quyết đơn thực hiện như thế nào. Đối với trường hợp này, DN, HTX không thể thực hiện giải thể do không giải quyết được hết các khoản nợ tuy nhiên nếu Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục phá sản thì không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

** Về xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ*

Tình trạng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, né tránh, không hợp tác hoặc chậm trễ trong việc cung cấp chứng cứ tài liệu xảy ra nhiều, gây khó khăn, chậm trễ trong giải quyết phá sản. Cụ thể:

- Nhiều trường hợp người mắc nợ trong vụ việc phá sản không phản hồi, không cung cấp thông tin, tài liệu, không thực hiện theo trình tự thủ tục pháp luật phá sản theo yêu cầu, đề nghị của Tòa án, QTV. Tuy nhiên, khi quyết định của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực, phát hiện quyền lợi của mình bị ảnh hưởng người mắc nợ mới khiếu nại, gây khó khăn, ảnh hưởng tiến độ giải quyết vụ việc.

- Không ít các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền lưu giữ tài liệu, chứng cứ (như Phòng đăng ký kinh doanh, các sở ban ngành, công an tại một số địa phương, tổ chức tín dụng, tổ chức kiểm toán...) còn hạn chế phản hồi cung cấp thông tin tài liệu do vấn đề về bảo mật thông tin.

** Về thẩm quyền giải quyết phá sản của Tòa án nhân dân*

Theo quy định tại các điều 4⁹, 50, 54¹⁰ và 62¹¹ của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 24/6/2024, thì việc giải quyết lần đầu đối với đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản, Tòa án nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh không có thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản. Vì vậy, các quy định, hướng dẫn về xác định thẩm quyền, thay đổi thẩm quyền

⁹ Điều 4 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 quy định cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân có Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản.

¹⁰ Điều 50 và Điều 54 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 quy định Tòa án chuyên trách của Tòa án nhân dân cấp cao “Giải quyết đề nghị, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định về việc phá sản của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ theo quy định của luật.”

¹¹ Điểm a khoản 3 Điều 62 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 quy định Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản “Giải quyết vụ việc phá sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo quy định của luật;”.

giải quyết vụ việc phá sản giữa Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân cấp tỉnh không còn phù hợp.¹²

**Về QTV, DNQL, TLTS*

- Về điều kiện hành nghề QTV (Điều 12)

Quy định về điều kiện thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo đối với Luật sư, Kiểm toán viên và người có bằng tốt nghiệp cử nhân kinh tế, tài chính, kế toán, ngân hàng đều từ 05 năm trở lên là không bình đẳng. Bởi lẽ, Luật sư, Kiểm toán viên ngoài là cử nhân chuyên ngành của mình thì phải qua thời gian đào tạo nghề (được cấp chứng chỉ), tập sự hành nghề (tổng khoảng 03 năm) và đạt yêu cầu kiểm tra tập sự hành nghề đối với Luật sư; phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 05 năm trở lên và phải qua kỳ thi quốc gia cấp Chứng chỉ đối với Kiểm toán viên.

- Về quyền, nghĩa vụ của QTV (Điều 16)

+ LPS 2014 quy định QTV có quyền đại diện cho DN, HTX trong trường hợp không có người đại diện theo quy định của pháp luật; đại diện tham gia giải quyết tranh chấp về tài sản. Tuy nhiên, Luật chưa quy định rõ tư cách, phạm vi, quyền và nghĩa vụ của QTV trong các quyết định về quản lý doanh nghiệp do QTV đại diện đưa ra có được thừa nhận theo pháp luật doanh nghiệp hay không; mối quan hệ giữa QTV với Đại hội đồng cổ đông, nhất là trong trường hợp quyết định của QTV đưa ra khác với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Thiếu quy định rõ ràng về cơ chế, trình tự, thủ tục để QTV thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 16; như quyền, trình tự, thủ tục để QTV yêu cầu bàn giao, thu hồi, quản lý tài sản dẫn tới khó khăn, bất cập trong hoạt động quản lý, thanh lý tài sản của QTV; không ít trường hợp QTV, DNQL, TLTS không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hoặc từ chối khi được Thẩm phán chỉ định tham gia vụ việc phá sản.

+ Các quy định để hỗ trợ QTV thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, thẩm quyền của mình còn chưa đầy đủ, như chưa có quy định về cách thức xử lý của QTV khi yêu cầu nhưng không được các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Cơ chế, hình thức giám sát của Thẩm phán, Chấp hành viên đối với QTV; trách nhiệm báo cáo của QTV trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản chưa được quy định rõ ràng dẫn đến có cách hiểu về sự chồng chéo thẩm quyền giám sát giữa Thẩm phán và Chấp hành viên và QTV lung túng trong thực hiện trách nhiệm báo cáo của mình.

** Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết phá sản*

Quy định của LPS 2014 về thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân là ngắn (đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản là 07 ngày;

¹² Gồm các quy định tại: Điểm a khoản 1 Điều 8 LPS 2014; điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26/8/2016.

quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản là 15 ngày) nên không đủ thời gian để Viện kiểm sát thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và kháng nghị.

** Về lệ phí phá sản, chi phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, chi phí QTV, DNQL, TLTS*

- Về tạm ứng chi phí phá sản (khoản 2 Điều 23): LPS 2014 chưa quy định về căn cứ tính số tiền tạm ứng chi phí phá sản nên Thẩm phán không có cơ sở hoặc thực hiện không thống nhất trong việc tính số tiền tạm ứng chi phí phá sản.

Mặt khác, mỗi vụ việc phá sản có những bước tiến hành, tính phức tạp khác nhau trong quá trình giải quyết (ví dụ: tiến hành các bước để lập danh sách chủ nợ trong và ngoài nước; kiểm đếm tài sản ở nhiều địa bàn trong và ngoài nước; có hoặc không tài sản trực vớt, bảo quản, gửi giữ, lưu kho phải đánh giá thẩm định...) Vì vậy, Thẩm phán khó lường trước mức độ phức tạp của những loại việc sẽ phải làm khi mới chỉ nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Việc chỉ định QTV và DNQL, TLTS cho từng loại vụ việc phá sản riêng đòi hỏi trình độ, hiểu biết chuyên ngành khác nhau của từng QTV... dẫn đến khó khăn trong tính chi phí thù lao cho các QTV và các chi phí khác. Nhiều vụ việc việc giải quyết phá sản thời gian giải quyết kéo dài, thủ tục phức tạp, mức tạm ứng chi phí không đủ bù đắp chi phí phải chi trả; nhiều trường hợp người có nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí phá sản không thực hiện bổ sung tạm ứng chi phí phá sản.

- LPS 2014 chưa có quy định về nguồn kinh phí để chi trả cho các chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết phá sản đối với trường hợp như:

+ DN, HTX không còn tài sản. Khái niệm về “không còn tài sản” cũng cần được quy định cụ thể hơn, tránh hiểu, áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Ví dụ: trường hợp doanh nghiệp còn quyền tài sản như quyền đòi nợ, nhưng không tiến hành khởi kiện, tài sản đang có tranh chấp, hoặc không thu hồi được nợ có được xem là không còn tài sản khác không.

+ DN, HTX và chủ nợ thực hiện bù trừ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 63 LPS 2014 hoặc việc xử lý khoản nợ có bảo đảm theo quy định tại Điều 53 LPS 2014 thì QTV phải tham gia làm việc và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện bù trừ nghĩa vụ, định giá tài sản để làm cơ sở cân đối nghĩa vụ bù trừ, cân đối giá trị chênh lệch của tài sản, tham gia bàn giao tài sản bảo đảm cho chủ nợ... nhưng QTV lại không được thanh toán thù lao, chi phí. Nếu sau khi thực hiện các thủ tục trên mà doanh nghiệp không còn tiền, tài sản thì chi phí QTV, chi phí phá sản sẽ không được đảm bảo.

+ QTV đã thực hiện các hoạt động thanh lý tài sản của DN, HTX bị tuyên bố phá sản nhưng sau 02 năm không bán được tài sản.

+ Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản và thực hiện việc thanh lý tài sản (Điều 120, Điều 121 của LPS 2014). Điều 73 Luật Thi hành án dân sự (*sau đây viết tắt là Luật THADS*) phân biệt từng trường hợp người phải thi hành án, người được thi

hành án hoặc ngân sách nhà nước chịu chi phí cưỡng chế; tuy nhiên, đối với trường hợp thi hành quyết định tuyên bố phá sản thì 02 Luật này đều chưa quy định rõ nguồn chi phí chi trả cho việc Chấp hành viên thực hiện các hoạt động nêu trên.

- Về chi phí phá sản trong trường hợp người yêu cầu mở thủ tục phá sản không phải nộp tạm ứng chi phí phá sản.

Theo quy định tại Điều 23 LPS 2014, trường hợp này Thẩm phán giao QTV, DNQL, TLTS bán một số tài sản của DN, HTX mất khả năng thanh toán để bảo đảm chi phí phá sản; tuy nhiên, Luật chưa quy định các chi phí phát sinh từ việc QTV, DNQL, TLTS thực hiện bán tài sản như chi phí về định giá, bán đấu giá tài sản... khi được chi trả, thực hiện như thế nào.

- LPS 2014 chưa quy định thẩm quyền, thủ tục thanh toán chi phí phá sản nên dẫn đến những cách hiểu và thực hiện khác nhau; có trường hợp QTV tự trừ từ nguồn tiền bán tài sản, sau đó mới chuyển số tiền còn lại cho Chấp hành viên; có trường hợp QTV chuyển cho Chấp hành viên toàn bộ tiền thu được, sau đó Chấp hành viên thanh toán cho QTV.

- LPS 2014 chưa quy định trường hợp tiền tạm ứng chi phí phá sản đã nộp lớn hơn chi phí phá sản thực tế thì số tiền tạm ứng chi phí phá sản còn thừa được giải quyết như thế nào?

** Vấn đề khác*

- Về đối tượng áp dụng: thực tiễn hoạt động kinh doanh cho thấy đã phát sinh nhu cầu tuyên bố phá sản đối với tổ hợp tác, cá nhân do các nguyên nhân khác quan, bất khả kháng tuy nhiên Điều 2 LPS 2014 quy định thủ tục giải quyết phá sản chỉ áp dụng đối với DN, HTX.

- Về cá nhân không được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản: Khoản 3 Điều 14 của LPS 2014 quy định chưa đầy đủ về những trường hợp không được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản vì lý do liên quan năng lực hành vi dân sự. Điều 23 Bộ luật Dân sự quy định về người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi thì Tòa án phải chỉ định người giám hộ cho họ nên không thể hành nghề QTV. Vì vậy, cần phải bổ sung người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi thuộc đối tượng không được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

- Thực tiễn, có doanh nghiệp mất khả năng thanh toán muốn yêu cầu mở thủ tục phá sản nhưng doanh nghiệp không còn tài sản và không có tiền để nộp lệ phí phá sản và tạm ứng chi phí phá sản. Trường hợp chủ nợ nộp tạm ứng chi phí phá sản thì Luật cũng không có quy định về việc hoàn trả cho chủ nợ khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không còn tài sản, từ đó dẫn đến việc các chủ nợ sẽ e ngại trong việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản vì chủ nợ vừa không thu hồi được nợ lại phải mất chi phí phá sản.

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 18 LPS 2014 thì người tham gia thủ tục phá sản được biết và ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do người tham gia thủ tục phá sản khác xuất trình hoặc do Thẩm phán thu thập. Tuy nhiên, trong vụ

việc phá sản, hồ sơ, tài liệu của các chủ nợ, con nợ cũng có thể là bí mật cá nhân, bí mật kinh doanh nên cần có quy định cụ thể hơn về phạm vi được phép sao chụp.

- Cần bổ sung quyền và nghĩa vụ của QTV đề xuất Thẩm phán về việc cấm xét cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán để đảm bảo hiệu quả của việc giải quyết phá sản.

1.2. Chương II – Đơn và thủ tục đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

** Về thủ tục nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản (Điều 38)*

LPS 2014 quy định lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản được nộp vào tài khoản do Tòa án nhân dân mở tại ngân hàng. Tuy nhiên, Luật không quy định cụ thể về chủ thể có quyền đứng tên chủ tài sản dẫn tới gây lúng túng cho Thẩm phán và cách làm khác nhau giữa các Tòa án. Có Tòa án chỉ mở một tài khoản do Chánh án Tòa án làm chủ tài khoản và tất cả số tiền thu được từ các vụ phá sản khác nhau được gửi vào tài khoản này; có Tòa án mở cho mỗi vụ phá sản từng tài khoản ngân hàng riêng nhưng chủ tài khoản vẫn là Chánh án; hoặc có Tòa án mở từng tài khoản ngân hàng khác nhau cho mỗi vụ phá sản và chủ tài khoản là Thẩm phán được phân công giải quyết từng vụ phá sản cụ thể.

Do chưa có căn cứ rõ ràng nên đa số các Tòa án mở tài khoản với chủ tài khoản là Chánh án Tòa án. Do số lượng các vụ án yêu cầu tuyên bố phá sản ngày càng nhiều, việc mở tài khoản ngân hàng chung làm khó khăn, không minh bạch, gây chậm trễ trong thu, chi, quản lý tài chính, đặc biệt đối với những vụ phá sản doanh nghiệp lớn thì số tiền thu về khi giải quyết phá sản là rất lớn. Hơn nữa, việc để Chánh án làm chủ tài khoản thì trong trường hợp cần chi một khoản tiền nào đó cho QTV theo quy định thì phải chờ Chánh án ký thì mới thực hiện được, điều này làm giảm tính hiệu quả, kịp thời trong việc giải quyết thủ tục phá sản.

** Về tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu DN, HTX mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản*

- Theo quy định tại Điều 41 LPS 2014 thì trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ việc phá sản, Tòa án tạm đình chỉ việc giải quyết vụ việc dân sự, kinh doanh - thương mại, lao động; cơ quan THADS phải tạm đình chỉ thi hành án dân sự về tài sản mà DN, HTX là người phải thi hành án; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạm đình chỉ việc xử lý tài sản bảo đảm của DN, HTX đối với các chủ nợ có bảo đảm. Quy định này là không khả thi bởi lẽ Tòa án đang giải quyết vụ việc dân sự, kinh doanh-thương mại, lao động và Cơ quan THADS đang thi hành án không thể biết việc Tòa án có thẩm quyền thụ lý vụ việc phá sản trừ phi nhận được thông báo của Tòa án về việc đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Quy định tại Điều 41 và Điều 71 của LPS 2014 về tạm đình chỉ và đình chỉ thi hành án dân sự về tài sản mà DN, HTX là người phải thi hành án có thể

tạo ra kẽ hở, dễ bị lợi dụng để trốn tránh trách nhiệm của pháp nhân trong các bản án đã có hiệu lực trước đó, ví dụ như:

+ Trường hợp cơ quan THADS đang tổ chức thi hành bản án hình sự về tham nhũng kinh tế mà bản án này đã tuyên kê biên tài sản của doanh nghiệp để sung công quỹ nhà nước hoặc để bồi thường cho các bị hại thì việc tạm đình chỉ và đình chỉ thi hành án sẽ ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nhà nước, lợi ích hợp pháp của người bị hại theo các bản án đã có hiệu lực trước đó.

+ Trường hợp cơ quan THADS đang tổ chức thi hành án đối với người phải thi hành án là DN, HTX mất khả năng thanh toán, trong khi bản án, quyết định của Tòa án tuyên xử lý tài sản của bên thứ ba để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của DN, HTX. Tuy nhiên, việc xử lý tài sản bảo đảm của bên thứ ba không ảnh hưởng đến việc giải quyết thủ tục phá sản của DN, HTX bởi tài sản bảo đảm này không thuộc sở hữu của DN, HTX; mặt khác, việc đình chỉ thi hành án ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bên nhận bảo đảm, nhiều doanh nghiệp lợi dụng quy định này yêu cầu mở thủ tục phá sản để kéo dài thời gian thi hành án.

** Về giá trị chứng minh của báo cáo tài chính của DN, HTX bị yêu cầu mở thủ tục phá sản (khoản 3 Điều 28)*

Trong giải quyết vụ việc phá sản, báo cáo tài chính là tài liệu bắt buộc, có vai trò quan trọng trong quá trình tổng hợp tình hình tài sản, vốn chủ sở hữu và nợ phải trả cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. LPS 2014 không quy định báo cáo tài chính phải được kiểm toán đã gây khó khăn cho Thẩm phán khi giải quyết vì Tòa án không phải là cơ quan chuyên môn để đánh giá tính xác thực của các báo cáo tài chính của DN, HTX.

1.3. Chương III – Mở thủ tục phá sản

** Về quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản*

- Về thời hạn quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản (Điều 42)

Khoản 1 Điều 42 LPS 2014 quy định thời hạn Thẩm phán ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản là 30 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu là quá ngắn, đặc biệt với những DN, HTX có quy mô lớn, hoạt động trên nhiều lĩnh vực thì cần nhiều thời gian để xem xét toàn bộ hồ sơ, tài liệu, báo cáo tài chính, từ đó mới có căn cứ xác định DN, HTX có ở trong tình trạng mất khả năng thanh toán hay không; hoặc, trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu mở thủ tục phá sản của nước ngoài, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vắng mặt tại Việt Nam, Tòa án nhiều lần thông báo, niêm yết giấy triệu tập đến làm việc nhưng đều vắng mặt do đang ở nước ngoài.

- Về giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản (Điều 44)

+ Điều 43 của LPS 2014 quy định Tòa án phải đăng quyết định mở thủ tục phá sản đối với DN, HTX mất khả năng thanh toán trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Tòa án và thông báo có các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, Luật này lại không quy định Tòa án phải thực hiện tương tự khi có quyết định hủy quyết định mở thủ tục phá sản dẫn đến gây ảnh hưởng đến uy tín của DN, HTX.

+ Việc xử lý tiền tạm ứng chi phí phá sản trong trường hợp Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định mở thủ tục phá sản đối với DN, HTX chưa được quy định nên khi người nộp đơn yêu cầu được hoàn trả tiền tạm ứng chi phí phá sản đã nộp thì Tòa án không có căn cứ để giải quyết.

- LPS 2014 không quy định cách thức xử lý hoặc cơ chế để xem xét lại quyết định của Tổ Thẩm phán của Tòa án cấp trên trực tiếp trong trường hợp xảy ra sai sót khi giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, dẫn đến một số trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan bị ảnh hưởng.

- LPS 2014 không quy định thủ tục xử lý trong trường hợp Tổ Thẩm phán Tòa án cấp trên trực tiếp đang giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản thì Viện kiểm sát rút kháng nghị.

** Về chỉ định, thay đổi QTV, DNQL, TLTS (Điều 45 và Điều 46)*

- LPS 2014 không quy định rõ số lượng QTV được chỉ định cho mỗi vụ việc, cơ chế phân công nhiệm vụ, quyền hạn giữa các QTV, trách nhiệm của từng QTV trước Chấp hành viên, Thẩm phán.

- Tình trạng QTV từ chối tham gia giải quyết phá sản xảy ra không ít; một số địa phương số lượng QTV không nhiều, có địa phương chỉ có từ 1-2 QTV, thậm chí không có DNQL, TLTS, gây khó khăn, lúng túng cho Thẩm phán khi giải quyết vụ việc, DN, HTX mất khả năng thanh toán để lợi dụng cơ hội để tẩu tán tài sản.

- Thực tiễn có một số trường hợp QTV, DNQL, TLTS không đồng ý tiếp tục thực hiện công việc và yêu cầu thay đổi QTV, DNQL, TLTS cũng xảy ra do bất đồng quan điểm với Thẩm phán trong giải quyết vụ việc nhưng đây không phải là căn cứ thay đổi QTV, DNQL, TLTS nên đã gây khó khăn trong giải quyết phá sản.

** Về ủy thác tư pháp trong việc giải quyết phá sản*

Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong các vụ việc phá sản mà có chủ nợ, người mắc nợ, người liên quan ở nước ngoài mất nhiều thời gian từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện các thời hiệu trong việc tiến hành thủ tục phá sản.

* LPS 2014 không quy định trường hợp sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản thì người yêu cầu rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; Tòa án ra quyết định và xử lý đối với tiền lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản như thế nào.

1.4. Chương IV – Nghĩa vụ về tài sản

**** Về xử lý khoản nợ có bảo đảm (Điều 53)***

- Quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền, trách nhiệm của Thẩm phán, QTV, bên nhận bảo đảm trong xử lý tài sản bảo đảm chưa được quy định rõ, đặc biệt là đối với trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc giảm giá trị; dẫn đến việc xử lý tài sản bảo đảm không thực hiện được, làm giảm giá trị tài sản của DN, HTX; ví dụ khi Tòa án giao tài sản bảo đảm cho chủ nợ có bảo đảm để khấu trừ nợ thì chủ nợ không đồng ý nhận tài sản bảo đảm để khấu trừ nợ (do chi phí định giá, đấu giá thanh lý tài sản tốn kém).

- LPS 2014 không có quy định cụ thể về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp khoản nợ của DN, HTX được bảo đảm bằng tài sản của người thứ ba nên đã dẫn tới những khó khăn, không thống nhất trong áp dụng.

- LPS 2014 không quy định về việc xử lý trong trường hợp giải quyết tranh chấp tài sản mà DN, HTX thế chấp cho nhiều chủ nợ khác nhau hoặc tài sản của DN, HTX sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức khác.

- LPS 2014 không quy định cụ thể về việc thi hành quyết định xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá sản hoặc giảm giá trị trong trường hợp có đơn đề nghị xem xét lại quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 44 LPS 2014. Trường hợp này, Tòa án phải yêu cầu tạm dừng việc thi hành quyết định xử lý tài sản có thể dẫn tới gây thiệt hại đến giá trị tài sản của DN, HTX; trong khi đó việc tiếp tục xử lý tài sản bảo đảm sẽ góp phần bảo đảm tốt hơn tài sản của DN, HTX và bảo đảm quyền lợi của chủ nợ.

- Theo Điều 53 của LPS 2014 thì khoản nợ có bảo đảm sẽ được xử lý trừ trường hợp tài sản bảo đảm được sử dụng để thực hiện phục hồi kinh doanh thì việc xử lý đối với tài sản bảo đảm theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ nhưng khoản 5 Điều 91 của Luật này quy định phương án phục hồi kinh doanh có sử dụng tài sản bảo đảm thì phải được chủ nợ có bảo đảm bằng tài sản đó đồng ý. LPS 2014 quy định việc xử lý tài sản đảm bảo cho trường hợp không thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh; tài sản bảo đảm không cần thiết cho việc thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh và tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy mà chưa quy định việc xử lý trong trường hợp chủ nợ có bảo đảm không đồng ý sử dụng tài sản đảm bảo để thực hiện phục hồi kinh doanh.

- Trường hợp sau khi phương án phục hồi hoạt động kinh doanh được Hội nghị chủ nợ thông qua sẽ được doanh nghiệp tiến hành triển khai dưới sự giám sát trực tiếp của Tòa án, QTV, DNQL, TLTS và Ban đại diện chủ nợ. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều trường hợp khi doanh nghiệp thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh thì các cơ quan hành chính, cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên cho rằng doanh nghiệp không bị phá sản và tiến hành thanh tra, kiểm tra, thậm chí vận dụng những quy định đối với một doanh

nghiệp hoạt động bình thường nên làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp vẫn đang trong quá trình phục hồi.

1.5. Chương V – Các biện pháp bảo toàn tài sản

**** Về giao dịch vô hiệu***

- Về giao dịch bị coi là vô hiệu (Điều 59)

LPS 2014 chưa quy định việc xử lý các giao dịch liên quan DN, HTX mất khả năng thanh toán trong trường hợp tiến hành thủ tục phá sản thì phát hiện giao dịch vô hiệu theo quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tuyên bố giao dịch vô hiệu (Điều 60)

+ LPS 2014 không quy định rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục thụ lý, giải quyết tuyên bố giao dịch vô hiệu theo quy định tại Điều 59 của Luật này; dẫn đến cách hiểu khác nhau về việc xác định Thẩm phán nào có thẩm quyền giải quyết và việc có cần thiết thực hiện thủ tục thụ lý đối với vụ án để tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu hay không.

+ Khoản 3 và khoản 4 Điều 60 của LPS 2014 quy định DN, HTX mất khả năng thanh toán, bên giao kết với DN, HTX đề nghị Chánh án Tòa án xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu trong thời 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định; thời gian Chánh án Tòa án ra quyết định giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Tuy nhiên khoản 5 Điều này quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động tổ chức thi hành quyết định theo pháp luật về thi hành án dân sự. LPS 2014 quy định các thời hạn này là không hợp lý vì nếu cơ quan thi hành án đã tiến hành tổ chức thi hành án mà sau đó quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu bị Chánh án Tòa án hủy bỏ thì hậu quả của việc thi hành án sẽ xử lý như thế nào?

**** Về bù trừ nghĩa vụ (Điều 63)***

- Thực tế có sự hiểu sai, hiểu không đúng về điều luật, đánh đồng việc bù trừ nghĩa vụ với việc bán nợ cho bên thứ ba dẫn đến việc bất bình đẳng trong thanh toán các khoản nợ cho các chủ nợ khác, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Bên cạnh đó, quy định về bù trừ nghĩa vụ dựa trên nguyên tắc quyền tự thỏa thuận, định đoạt của các đương sự. Tuy nhiên, nếu nghĩa vụ theo hợp đồng liên quan đến quyền, lợi ích của người thứ ba thì quy định trên có thể tạo kẽ hở cho đương sự thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ về tài sản đối với người thứ ba. Theo quy định của LPS 2014 và Luật Thi hành án dân sự, khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với DN, HTX thì tất cả các nghĩa vụ về tài sản mà DN, HTX đã được xác định bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đều bị đình chỉ. Vì vậy, bằng sự thỏa thuận quy định tại Điều 63 LPS 2014, các đương sự có thể né tránh được nghĩa vụ thi hành án của mình.

**** Về kiểm kê tài sản của DN, HTX mất khả năng thanh toán (Điều 65)***

- Theo khoản 1 Điều 65 LPS 2014 thì tổng thời gian cho việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của DN, HTX tối đa không quá 90 ngày. Tuy nhiên, trường hợp DN, HTX có quy mô lớn, số lượng tài sản nhiều, kết cấu tài sản phức tạp, tại nhiều địa phương khác nhau thì thời hạn 90 ngày là không phù hợp, không đảm bảo thời gian thực hiện. Mặt khác, thực tế quá trình kiểm kê do sổ sách, chứng từ liên quan tài sản không còn hoặc thất lạc, không tìm thấy, không có nhân sự quản lý, hiểu biết về vị trí, chủng loại, đặc điểm tài sản kiểm kê, vấn đề này dẫn đến hoạt động kiểm kê chậm, kết quả kiểm kê không chính xác, có thể phải làm lại hoặc bổ sung.

- LPS 2014 không quy định về tiêu chuẩn của người sẽ được QTV chỉ định làm đại diện của DN, HTX trong trường hợp đại diện hợp pháp của DN, HTX vắng mặt. Đồng thời, người được QTV, DNQL, TLTS chỉ định thường không muốn làm hoặc không biết về tình hình công ty nên thực hiện việc này rất khó khăn. Mặc dù pháp luật có quy định về chế tài xử lý đối với việc không hợp tác về việc kiểm kê tài sản (xử phạt vi phạm hành chính), tuy nhiên chế tài này cũng không hiệu quả.

- Khoản 4 Điều 65 Luật Phá sản quy định Tòa án có quyền yêu cầu QTV, DNQL, TLTS tổ chức kiểm kê, xác định lại giá trị tài sản, nhưng không quy định thời hạn thực hiện kiểm kê lại; cũng không có quy định về căn cứ, cơ sở xác định tính “Không chính xác” và mức độ “Không chính xác” của việc kiểm kê, xác định giá trị tài sản của DN, HTX là như thế nào để việc thực hiện kiểm kê có hiệu quả.

- Thực tiễn theo báo cáo tài chính của DN, HTX mất khả năng thanh toán thì tài sản được phân chia bao gồm tài sản cố định, tài sản thông thường hay tài sản lưu động như các khoản đầu tư tài chính, hàng tồn kho, các loại vốn bằng tiền. Như vậy, trong quá trình kiểm kê cũng phải phân loại tài sản cần kiểm kê, tuy nhiên, LPS 2014 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định về vấn đề này.

** Về gửi giấy đòi nợ (Điều 66)*

- Khoản 1 Điều 66 LPS 2014 quy định chủ nợ phải gửi giấy đòi nợ cho QTV, DNQL, TLTS. Đối với người được thi hành án theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hoặc người được DN, HTX thực hiện nghĩa vụ về tài sản theo quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết phá sản theo quy định tại điều 72 Luật này có phải gửi giấy đòi nợ không hay là Tòa án chủ động đưa những người này vào danh sách chủ nợ?

- Khoản 1 Điều 7 Luật THADS quy định các quyền của người được thi hành án, vậy chủ nợ trong danh sách chủ nợ tại quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án có được hưởng các quyền của người được thi hành án quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật THADS hay không? LPS 2014 và Luật THADS chưa quy định rõ nội dung này.

** Về lập danh sách chủ nợ và lập danh sách người mắc nợ (Điều 67 và Điều 68)*

- Việc lập danh sách chủ nợ và người mắc nợ gặp nhiều khó khăn và thường không đầy đủ, chính xác nhất là trong những vụ việc quy mô lớn, do vấn đề thời hạn quy định ngắn (45 ngày kể từ ngày ra thông báo mở thủ tục phá sản) trong khi đó, Luật không có quy định cụ thể trình tự, thủ tục để lập danh sách chủ nợ, người mắc nợ; việc vay nợ xảy ra từ lâu, quá trình cho vay diễn ra trong thời gian dài, không liên tục, người mắc nợ không lưu giữ giấy tờ liên quan đến khoản nợ; chủ nợ, người mắc nợ cư trú ở nhiều địa phương khác nhau, một số chết, một số thay đổi nơi cư trú hoặc không còn tài sản.... Nhiều trường hợp QTV, Thẩm phán chỉ có thể căn cứ vào sổ sách, tài liệu của doanh nghiệp mà không triệu tập người mắc nợ đến để đối chiếu nợ hay cung cấp tài liệu dẫn đến thiếu chính xác các thông tin về khoản nợ, gây ảnh hưởng đến việc thi án sau này hoặc không có căn cứ thu hồi nợ khi giải quyết tuyên bố phá sản cho các doanh nghiệp.

- Điều 67, Điều 68 của LPS 2014 về lập danh sách chủ nợ, lập danh sách người mắc nợ có quy định Thẩm phán phải xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại danh sách chủ nợ, xem xét lại danh sách người mắc nợ nếu thấy đề nghị có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 9, Điều 16 LPS 2014 thì Thẩm phán không có nhiệm vụ, quyền hạn lập bảng kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ mà vấn đề này thuộc quyền, nghĩa vụ của QTV, DNQL, TLTS. Đồng thời, luật cũng chưa quy định cụ thể về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp trong quá trình xem xét giải quyết đề nghị sửa đổi, bổ sung vào danh sách chủ nợ, mắc nợ gây khó khăn cho quá trình áp dụng pháp luật.

- Trường hợp sau khi lập xong danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ thì phát sinh thêm chủ nợ hoặc người mắc nợ (vì lý do khách quan) thì sẽ xử lý như thế nào, QTV có được lập bổ sung và niêm yết danh sách chủ nợ, người mắc nợ nữa không.

** Về xử lý việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc, giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc*

- Về việc tạm đình chỉ và đình chỉ đối với việc xử lý tài sản bảo đảm của người thứ ba

LPS 2014 (khoản 1, khoản 3 Điều 41 và khoản 2 Điều 71) và Luật THADS (Điều 137) đều quy định việc tạm đình chỉ và đình chỉ thi hành đối với nghĩa vụ của DN, HTX đang trong quá trình giải quyết phá sản (không phân biệt nghĩa vụ thi hành án của DN, HTX được bảo đảm bằng tài sản của họ hay bằng tài sản của người thứ ba hoặc thi hành phần dân sự trong các bản án hình sự), do đó có tình trạng DN, HTX đã vận dụng quy định này xin mở thủ tục phá sản để kéo dài thời gian thi hành án, trốn tránh nghĩa vụ phải thi hành án.

- Khoản 2 Điều 71 LPS 2014 quy định sau khi ra quyết định mở thủ tục phá sản thì Tòa án nhân dân, Trọng tài đã ra quyết định tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 41 của Luật này “*phải ra quyết định đình chỉ và chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân đang tiến hành thủ tục phá sản để giải quyết*”. Tuy

nhiên, luật không quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục, việc phân công Thẩm phán để tiếp tục giải quyết các vụ án được nhập vào vụ việc phá sản, quyền, nghĩa vụ của những người có liên quan vụ án này, gây khó khăn, cách hiểu khác nhau trong quá trình thực thi; đặc biệt là việc xác định, phân công Thẩm phán giải quyết tranh chấp. Để việc giải quyết phá sản hiệu quả thì việc giải quyết những tranh chấp này cần được giao cho Thẩm phán đang giải quyết vụ việc phá sản, tuy nhiên LPS 2014 cũng chưa quy định nhiệm vụ, quyền hạn này của Thẩm phán; cũng như mối quan hệ, quyền hạn, trách nhiệm giữa Thẩm phán giải quyết tranh chấp và QTV trong vụ việc¹³.

** Về giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc (Điều 72)*

- Điều 72 của LPS 2014 quy định về việc giải quyết đối với các trường hợp đình chỉ thi hành án dân sự và giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 71, theo đó, LPS 2014 mới chỉ quy định hướng giải quyết đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và những vụ việc đang được giải quyết tại Tòa án mà chưa xử lý đối với các phán quyết, quyết định đã có hiệu lực của Trọng tài thương mại và những vụ việc đang được giải quyết theo thủ tục Trọng tài bị tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 41 của LPS 2014.

- LPS 2014 không quy định cụ thể thẩm quyền xem xét, quyết định nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp do Thẩm phán hay Tổ Thẩm phán giải quyết; trình tự, thủ tục giải quyết có theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự không; thành phần tham gia; khiếu nại và giải quyết khiếu nại như thế nào đã dẫn đến lúng túng, khó khăn cho Thẩm phán giải quyết vụ việc phá sản.

1.6. Chương VI – Hội nghị chủ nợ

** Về Hội nghị chủ nợ*

- LPS 2014 hiện nay chưa có quy định hoặc hướng dẫn về việc tổ chức Hội nghị chủ nợ. Thực tế cho thấy, mỗi vụ việc phá sản có quy mô Hội nghị chủ nợ khác nhau với các thành phần tham dự khác nhau. Việc tổ chức thực hiện Hội nghị do Tòa án phối hợp với QTV, DNQL, TLTS để bố trí không gian, thời gian, địa điểm, vị trí chỗ ngồi phù hợp tình hình thực tế, cũng như đảm bảo an toàn, an ninh cho buổi diễn ra Hội nghị.

- LPS 2014 cũng chưa có quy định cụ thể về số lần tổ chức Hội nghị chủ nợ, số lần tổ chức hội nghị không thành công, nên Tòa án gặp khó khăn trong việc tổ chức hội nghị chủ nợ bao nhiêu lần thì đủ kiện kiện để tiến hành các bước tiếp theo.

** Về quyền tham gia Hội nghị chủ nợ*

¹³ Bởi lẽ, đối với các vụ án được nhập vào vụ việc phá sản phải được giải quyết thì mới có thể xác định được tài sản, số nợ, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ. Theo Điều 16 LPS 2014, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản và lập bảng kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ là quyền, nghĩa vụ của QTV, DNQL, TLTS. Thẩm phán chỉ được giám sát hoạt động của QTV, DNQL, TLTS theo khoản 4 Điều 9 LPS 2014. Nếu Thẩm phán giải quyết sẽ không đúng với nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 9, Điều 16 LPS 2014 quy định. Trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết thì QTV và người liên quan khác có quyền đề nghị xem xét lại, kháng nghị hay không?

Điều 77 LPS 2014 quy định chưa đầy đủ về những người có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ. Trên thực tế, người có quyền lợi hoặc nghĩa vụ liên quan trong giải quyết phá sản DN, HTX không được tham gia Hội nghị chủ nợ cũng dẫn tới ảnh hưởng quyền, lợi ích của họ; người có quyền lợi hoặc nghĩa vụ liên quan không có quyền biểu quyết trong Hội nghị chủ nợ, nhưng cần được biết thông tin để bảo vệ quyền, lợi ích của mình.

** Về sự vắng mặt của người đại diện theo pháp luật của DN, HTX mất khả năng trong Hội nghị chủ nợ*

Quy định tại Điều 78 LPS 2014 về trường hợp người đại diện theo pháp luật của DN, HTX mất khả năng thanh toán cố ý vắng mặt không có lý do chính đáng thì QTV, DNQL, TLTS có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân xử lý theo quy định của pháp luật khó thực hiện vì chưa có hướng dẫn cụ thể. Trong trường hợp này, Hội nghị chủ nợ có được tiến hành không? Trường hợp tiến hành Hội nghị chủ nợ thì các vấn đề liên quan tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp do ai trình bày trước Hội nghị? Bởi lẽ trường hợp này không được quy định trong điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ để xem xét hoãn Hội nghị chủ nợ.

** Về hoãn Hội nghị chủ nợ*

Thực tế tiến hành Hội nghị chủ nợ phát sinh nhiều trường hợp không thuộc căn cứ hoãn Hội nghị chủ nợ quy định tại các điều 79, 80 của LPS 2014 như: chủ nợ tham gia Hội nghị chủ nợ đề nghị hoãn Hội nghị chủ nợ để làm rõ các vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản như làm rõ các khoản nợ, các số liệu tài chính, kế toán doanh nghiệp, vấn đề tài sản, tranh chấp liên quan...

** Về nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, đề nghị, kiến nghị xem xét lại và giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ*

Khoản 1 Điều 79 LPS 2014 quy định điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ là “có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 51% tổng số nợ không có bảo đảm”. Tòa án đã triệu tập hội nghị chủ nợ, số chủ nợ tham gia đạt 51% tổng số nợ không có bảo đảm nên Hội nghị chủ nợ được tiến hành. Tại Hội nghị chủ nợ, tất cả các chủ nợ tham gia đều thống nhất ra Nghị quyết tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 81 LPS 2014 thì Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành. Do số chủ nợ có mặt tại Hội nghị không đủ 65% tổng số nợ không có bảo đảm nên trên thực tế có những vụ án phá sản không thể thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp. Mặt khác, quy định chỉ có chủ nợ có số nợ không có bảo đảm mới có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ sẽ dẫn đến trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, tài sản không đủ để thanh toán khoản nợ thì chủ nợ có bảo đảm sẽ trở thành chủ nợ không có bảo đảm với số tiền chưa được thanh toán. Lúc đó, quyền lợi của chủ nợ này, cụ thể là quyền biểu quyết tại Hội nghị chủ nợ đã không được đảm bảo.

** Về đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 86 của LPS 2014: “1. Kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản đến trước ngày ra quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản, nếu DN, HTX không mất khả năng thanh toán thì Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản”, trên thực tế, có trường hợp sau khi Tòa án có quyết định mở thủ tục phá sản, người yêu cầu lại có đơn rút yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, LPS 2014 chưa có quy định cụ thể về nội dung này, Tòa án có được đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản hay không?

1.7. Chương VII – Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

Theo thống kê, trong gần 09 năm thi hành LPS 2014 trên toàn quốc có chưa đến 10 vụ việc áp dụng thủ tục phục hồi. Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh hầu như không được áp dụng trong thực tiễn thi hành LPS 2014.

Theo quy định của LPS 2014, sau khi được Hội nghị chủ nợ thông qua, Nghị quyết có nội dung đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh, thì DN, HTX phải xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh bao gồm các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh; các điều kiện, thời hạn và kế hoạch thanh toán các khoản nợ. Như vậy, thủ tục phục hồi như là một hệ quả của việc nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản DN, HTX, được tiến hành trong thủ tục phá sản khi doanh nghiệp đã mất khả năng thanh toán. Điều này đã dẫn đến cả con nợ và chủ nợ luôn ở trạng thái bị động đối với loại thủ tục này và thời điểm để xây dựng và triển khai phương án phục hồi đã quá muộn, đa số các doanh nghiệp đã ở trong tình trạng khó khăn nghiêm trọng về tài chính và không thể cứu vãn, nên phục hồi rất khó thành công.

1.8. Chương IX – Tuyên bố DN, HTX phá sản

** Về tuyên bố DN, HTX phá sản theo thủ tục rút gọn*

- Điều 105 LPS 2014 quy định Tòa án nhân dân giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn đối với trường hợp người nộp đơn là người đại diện theo pháp luật của DN, HTX hoặc chủ doanh nghiệp; đồng thời, DN, HTX mất khả năng thanh toán không còn tiền, tài sản khác để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản. Tuy nhiên, việc xác định các căn cứ, tài liệu chứng cứ có giá trị pháp lý để xác định DN, HTX mất khả năng thanh toán không còn tiền, tài sản khác thường khó khăn, phức tạp. Trong khi đó, Thẩm phán giải quyết vụ việc phá sản không thể có đầy đủ kiến thức chuyên sâu về tất cả các lĩnh vực kinh doanh, kế toán, tài chính... để nắm bắt toàn bộ tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua đọc báo cáo tài chính. Điều này gây khó khăn cho Thẩm phán trong quá trình xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi người nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn và cũng xảy ra những trường hợp lợi dụng việc đề nghị tuyên bố phá sản để trốn tránh nghĩa vụ.

- LPS 2014 chưa quy định trường hợp sau khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo thủ tục rút gọn, trong thời hạn xem xét ra quyết định tuyên bố phá sản DN, HTX mà phát hiện DN, HTX có tài sản để nộp lệ phí phá sản, tạm

ứng chi phí phá sản thì thủ tục chuyển từ thủ tục rút gọn sang thủ tục thông thường được tiến hành như thế nào? Tòa án yêu cầu người nộp đơn nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản nhưng nếu họ không nộp thì có hủy thông báo thụ lý vụ việc phá sản không?

** Về quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản*

- LPS 2014 không quy định việc thông báo quyết định tuyên bố phá sản cho những người mắc nợ. Thực tiễn tổ chức thi hành án các vụ việc liên quan đến khoản thu hồi tiền từ người mắc nợ cho thấy họ đều không nhận được thông báo mở thủ tục phá sản, không nhận được danh sách người mắc nợ và không nhận được quyết định tuyên bố phá sản nên họ không biết có khoản nợ còn phải trả cho doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản chỉ đến khi cơ quan thi hành án tổ chức thi hành thì họ mới được biết về nghĩa vụ phải thi hành. Do không nhận được quyết định tuyên bố phá sản nên người mắc nợ không có cơ sở đề nghị xem xét lại nếu số liệu nợ trong quyết định tuyên bố phá sản không đúng thực tế, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của họ.

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, như trường hợp là bên thứ ba dùng tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của DN, HTX. Trường hợp tài sản bảo đảm bị xử lý sau khi có quyết định tuyên bố phá sản thì người có quyền, nghĩa vụ liên quan lúc này trở thành chủ nợ của DN, HTX. Việc này cũng sẽ được ghi nhận trong quyết định tuyên bố phá sản nhưng khi đó người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thuộc chủ thể được nhận quyết định tuyên bố phá sản.

** Về hiệu lực thi hành của quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản*

Khoản 2 Điều 108 LPS 2014 quy định “*Quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định*”. Sau khi ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản, Tòa án phải thông báo cho các chủ thể theo quy định, đăng trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp 02 số báo liên tiếp nơi doanh nghiệp có trụ sở... trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại Điều 109 LPS 2014. Đồng thời, quyết định này sẽ được Cơ quan Thi hành án thi hành trong thời hạn 05 ngày theo Điều 120 LPS 2014. Tuy nhiên, tại Điều 111 LPS 2014 lại quy định quyền đề nghị xem xét lại, quyền kháng nghị đối với quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản trong thời hạn 15 ngày là mâu thuẫn với quy định tại Điều 108 LPS 2014.

Thực tế phát sinh trường hợp không có quy định cách thức xử lý như:

+ Sau khi Quyết định tuyên bố phá sản được ban hành, đang trong quá trình thi hành thì có đề nghị xem xét lại, kháng nghị và bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định tuyên bố phá sản thì giải quyết hậu quả việc đã thông báo như thế nào vì đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp, điều này gây ảnh hưởng lớn cho doanh nghiệp.

+ Trường hợp quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản đã được thi hành xong, DN, HTX đã bị xóa tên nhưng Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định

tuyên bố DN, HTX phá sản thì việc giải quyết lại vụ việc phá sản thực hiện như thế nào.

** Về giải thích, sửa chữa, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án*

LPS 2014 không quy định việc giải thích, sửa chữa, bổ sung quyết định tuyên bố phá sản, tuy nhiên, trong thực tế khi Tòa án ra quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản có những nội dung còn chưa rõ, có lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai nhưng chưa đến mức cần xem xét lại hoặc kháng nghị.

** Về xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản*

- Về đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản (Điều 111)

LPS 2014 chưa quy định cơ chế giải quyết, xử lý vụ việc khi trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản hoặc đã thi hành xong mới phát hiện nhầm lẫn, sai sót, trong khi thời hạn đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố phá sản gần đã kết thúc.

- Về giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản (Điều 112)

Theo quy định tại khoản 3 Điều 112 LPS 2014 thì Tổ Thẩm phán giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản không có thẩm quyền đình chỉ việc giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị. Trường hợp người đề nghị rút đơn đề nghị, Viện kiểm sát rút kháng nghị đối với quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản thì Tổ Thẩm phán không có căn cứ để giải quyết.

1.9. Chương X - Xử lý tài sản DN, HTX có tranh chấp

Các quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền liên quan các tranh chấp đã hoặc đang được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tranh chấp phát sinh trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản mà DN, HTX lâm vào tình trạng phá sản là một bên tranh chấp (các điều 41, 71, 72 và 114 của LPS 2014) là chưa rõ ràng, thậm chí không thống nhất trong nguyên tắc giải quyết vụ việc phá sản vì đều liên quan đến tài sản, nghĩa vụ của DN, HTX phá sản nhưng phương thức giải quyết khác nhau, gây khó khăn trong việc tách hoặc nhập vụ án tranh chấp hay tài sản tranh chấp giải quyết riêng hoặc giải quyết trong vụ việc phá sản.

1.10. Chương XI – Thủ tục phá sản có yếu tố nước ngoài

LPS 2014 quy định về thủ tục phá sản có yếu tố nước ngoài tại Chương XI với 3 Điều luật (116, 117 và 118), trong đó, Điều 118 có quy định về việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định giải quyết phá sản của Tòa án nước ngoài. Những quy định này còn chung chung, chưa cụ thể, thiếu cơ chế để thực hiện, không mang tính chất đặc thù cho việc giải quyết vụ việc phá sản có yếu tố nước ngoài mà chỉ mang tính viện dẫn áp dụng theo thủ tục chung đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và pháp luật tương trợ tư pháp nên gây khó khăn cho việc áp dụng.

Việt Nam đã ký 17 hiệp định song phương về tương trợ tư pháp về dân sự với các nước và lãnh thổ, theo đó ghi nhận sự công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và Công ước La Hay về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại cung cấp cơ chế hỗ trợ hợp tác đa phương về tổng đạt trong dân sự bao gồm cả phá sản có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên, thủ tục phá sản có tính chất đặc thù nên không thể áp dụng thủ tục tố tụng dân sự (công nhận bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài) để thu hồi nợ cho vụ việc phá sản.

Quá trình thực thi LPS 2014 đã có khoảng 30 vụ việc có yếu tố nước ngoài, bao gồm các nước như: Mỹ, Hồng Kông, Singapore, DuBai, Thái Lan, Indonexia, Malaixia, Trung Quốc, Ấn độ, Ecuado, SoaMoa, Nhật Bản, Mubai, Srilanca, Đan mạch, Pakistan, Bahrain; Panama, Italia, Hàn quốc, UAE, Philipin... Bất cập của việc thiếu các quy định pháp luật trong lĩnh vực này dẫn đến khó khăn, như: việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các chủ nợ và con nợ ở nước ngoài; thu hồi tài sản của doanh nghiệp ở nước ngoài, thu hồi các khoản nợ của các con nợ ở nước ngoài; thời hạn định giá tài sản, bán đấu giá tài sản, công nhận và cho thi hành quyết định phá sản... Điều này dẫn đến việc công nhận và cho thi hành quyết định giải quyết phá sản của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam trở thành một điều khó khăn và cản trở ít nhiều đến việc bảo vệ và tối đa hóa giá trị tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán khi chủ nợ hoặc tài sản của doanh nghiệp ở nước ngoài.

1.11. Chương XII - Thi hành quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản

**** Về thẩm quyền, thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản***

- LPS 2014 và Luật THADS chưa quy định rõ về việc cơ quan THADS trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản có được thực hiện ủy thác theo quy định của Luật THADS hay không? Nếu không ủy thác thi hành án thì sẽ rất khó khăn cho cơ quan THADS đã ra quyết định (chi phí, thời gian, công sức để thực hiện thông báo, xác minh, tổ chức thi hành án phức tạp, nặng nề; xác minh điều kiện thi hành án phá sản). Trường hợp được ủy thác thì phương án phân chia tài sản thi hành án cũng chưa được quy định. Đồng thời, theo khoản 1 Điều 57 Luật THADS thì trước khi ủy thác, cơ quan THADS phải xử lý xong tài sản tạm giữ, thu giữ, tài sản kê biên tại địa bàn có liên quan đến khoản ủy thác. Như vậy, đối với thi hành án phá sản thông thường có rất nhiều người phải thi hành án nhưng cơ quan THADS chỉ được ủy thác đối với từng người phải thi hành án; đồng thời, khi xử lý xong tài sản của người này mới được tiếp tục ủy thác như vậy, dẫn đến quá trình xử lý tài sản bị kéo dài, ảnh hưởng đến việc thu hồi tài sản đặc biệt đối với những tài sản như nhà xưởng, máy móc nếu thời gian xử lý bị kéo dài thì tài sản sẽ bị hỏng hóc, giảm giá trị hoặc không còn sử dụng được.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 121 LPS 2014 thì sau 02 năm không thực hiện được việc thanh lý tài sản, QTV, DNQL, TLTS phải chấm dứt việc thanh lý tài sản và bàn giao cho cơ quan THADS xử lý theo quy định của pháp luật. LPS 2014 không quy định cụ thể thế nào là “không thanh lý được tài sản”.

Bên cạnh đó, LPS 2014 và Luật THADS chưa quy định rõ ràng về áp dụng pháp luật giữa 02 Luật này trong quá trình thi hành án phá sản, dẫn tới những khó khăn, lúng túng cho cơ quan THADS như các trình tự, thủ tục thực hiện đúng theo Luật THADS hay có đặc thù riêng. Trong khi đó, việc thi hành án phá sản có những đặc thù riêng, phức tạp.

** Về định giá tài sản, định giá lại tài sản, bán tài sản, thu hồi lại tài sản trong trường hợp có vi phạm*

- Việc thực hiện quy định về định giá lại tài sản chưa thực sự đảm bảo được quyền lợi của người được thi hành án. Do chưa quy định rõ như thế nào là “*vi phạm nghiêm trọng*” (Điều 123) dẫn đến tình trạng trên thực tế có trường hợp việc định giá tài sản không chính xác nhưng lại không phải tiến hành định giá lại với lý do chưa phải là “*vi phạm nghiêm trọng*”, từ đó làm thất thoát tài sản và ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án. Mặt khác, chỉ cần quy định “*có vi phạm dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản*” là đủ điều kiện để định giá lại tài sản.

- LPS 2014 chưa có quy định về định giá lại tài sản khi tài sản bị hao mòn, giảm giá trị do tổ chức đấu giá nhiều lần nhưng chưa có người mua.

- LPS 2014 không quy định trong trường hợp tổ chức bán đấu giá không thành thì có tổ chức đấu giá lại không, được tổ chức đấu giá lại bao nhiêu lần và trong trường hợp tổ chức bán đấu giá nhiều lần mà không bán được tài sản thì xử lý như thế nào?

- Theo Quy định Điều 121, Điều 122 LPS 2014 thì kể từ thời điểm Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản cho đến khi Chấp hành viên có yêu cầu QTV, DNQL, TLTS thực hiện việc thanh lý tài sản có thể lên đến 17 ngày làm việc (gồm: 10 ngày Tòa án chuyển giao Quyết định theo quy định tại Điều 109, 05 ngày cơ quan THADS ra Quyết định thi hành án tại Điều 120, 02 ngày Chấp hành viên có văn bản yêu cầu Quản tài việc thực hiện tại Điều 121). Trong khi đó, theo quy định tại Điều 122 thì QTV phải tổ chức định giá tài sản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản. Như vậy, theo các quy định trên sẽ dẫn tới có trường hợp QTV đã thực hiện thanh lý tài sản khi cơ quan thi hành án chưa ra quyết định thi hành án và Chấp hành viên chưa có văn bản yêu cầu QTV thực hiện.

- Đối với tài sản của doanh nghiệp ở nước ngoài, khoản 1 Điều 122 LPS 2014 quy định trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, QTV, DNQL, TLTS phải tổ chức định giá tài sản theo quy định của pháp luật; khoản 3 Điều 124 quy định việc bán đấu giá đối với động sản phải được thực hiện trong thời hạn là 30 ngày, đối với bất động sản là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản. Thời hạn tổ chức định giá tài sản và bán đấu giá tài sản nêu trên chỉ phù hợp khi áp dụng đối với tài sản của doanh nghiệp ở Việt Nam, đối với tài sản của doanh nghiệp ở nước ngoài thì thời hạn nêu trên là quá ngắn và không hợp lý.

- Quá trình phối hợp cùng các cơ quan có liên quan đặc biệt trong giai đoạn thi hành quyết định phá sản còn nhiều vấn đề bất cập, chưa thuận lợi, mất nhiều thời gian. Điển hình là quá trình lấy ý kiến giảm giá trong các lần giảm giá bán tài sản đấu giá.

- Việc lựa chọn đơn vị định giá theo quy định pháp luật hiện hành, trong thực tiễn gặp nhiều trở ngại, do một số địa phương không có đơn vị định giá chuyên nghiệp, không đủ năng lực đảm bảo thực hiện khối lượng công việc lớn với mức độ chính xác cao. Việc lựa chọn theo quy trình hiện tại dẫn đến mất thời gian cũng như ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

- Về đấu giá tài sản

+ Quá trình lựa chọn đơn vị bán đấu giá tài sản theo pháp luật hiện hành còn nhiều thủ tục rườm rà, mất nhiều thời gian thực hiện, trong khi vấn đề bán tài sản phá sản cần giải quyết nhanh, hiệu quả, mang lại giá trị cao nhất, tránh trường hợp thời gian kéo dài, làm giảm giá trị tài sản, hao mòn hoặc phá hủy do tự nhiên.

+ LPS 2014 và pháp luật liên quan chưa quy định rõ khi thực hiện việc quyết định thanh lý tài sản thì Chấp hành viên cần phải thực hiện thủ tục gì (ra quyết định giảm giá hay quyết định việc tiếp tục bán tài sản...) dẫn đến khó khăn trong việc xác định có tiếp tục bán đấu giá tài sản không.

- Khi QTV, DNQL, TLTS phối hợp trong quá trình thực hiện nghiệp vụ xử lý tài sản vẫn còn một số cơ quan chưa nắm rõ chức danh Quản tài viên cũng như nhiệm vụ, vai trò của QTV, DNQL, TLTS, từ đó gây khó khăn hoặc từ chối hỗ trợ.

- Xử lý các tranh chấp phát sinh trong và sau khi xử lý tài sản do doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản không kê khai đúng, đủ, phù hợp về tình trạng pháp lý của tài sản xử lý, từ đó phát sinh những tranh chấp khi công khai bán tài sản hoặc giai đoạn bàn giao, hoàn thiện pháp lý của người mua tài sản.

- Quá trình tổ chức thanh lý tài sản của doanh nghiệp phá sản, QTV không thực hiện được nhiệm vụ thanh lý tài sản do chủ sở hữu cũ cố tình chiếm giữ trái pháp luật, theo quy định thì QTV không có thẩm quyền cưỡng chế để thực hiện. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 120 LPS 2014 thì cơ quan THADS cũng không có thẩm quyền cưỡng chế trong trường hợp QTV, DNQL, TLTS đang thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản của doanh nghiệp phá sản mà chỉ thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản trong vụ việc phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Do đó, làm kéo dài thời gian thi hành án, QTV, DNQL, TLTS không thể thực hiện nhiệm vụ thanh lý tài sản của doanh nghiệp.

** Về đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản (Điều 126)*

Quy định về các trường hợp đình chỉ thi hành án quyết định tuyên bố phá sản còn chưa phù hợp, chưa đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tiễn. Điều 126 LPS 2014 quy định đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố DN,

HTX phá sản rồi với 02 trường hợp gồm: (1) DN HTX bị tuyên bố phá sản không có tài sản để thanh lý, phân chia; (2) Đã hoàn thành việc phân chia tài sản của DN, HTX bị tuyên bố phá sản. Tuy nhiên, đây là những trường hợp việc quyết định tuyên bố phá sản đã được thực hiện xong. Trong khi đó thì theo quy định của Luật THADS thì cơ quan THADS ra quyết định đình chỉ thi hành án trong các trường hợp người phải thi hành án chết; đương sự có thỏa thuận; bản án quyết định bị hủy; người phải thi hành án là tổ chức đã bị giải thể, không còn tài sản; có quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án; Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với người phải thi hành án; người chưa thành niên được giao nuôi dưỡng theo bản án quyết định đã chết hoặc thành niên.

- LPS 2014 chưa quy định xử lý các trường hợp trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố phá sản, có trường hợp phải hoãn, tạm đình thi hành án như tài sản bị tranh chấp, tài sản không bán được mà chủ nợ không nhận tài sản để thi hành án, hoặc có quyết định tạm đình chỉ thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị, hoặc trường hợp người mắc nợ không có điều kiện thi hành án...

** Về giải quyết khiếu nại, tố cáo việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản DN, HTX*

Điều 128 LPS 2014 quy định: “*Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại về việc thi hành quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản được thực hiện theo pháp luật về thi hành án dân sự*”, trong khi đó cũng theo quy định của LPS 2014 về thi hành quyết định tuyên bố phá sản thì có cả nội dung liên quan đến hoạt động của QTV, DNQL, TLTS và hoạt động của Chấp hành viên cơ quan THADS. Việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thi hành quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản liên quan đến hành vi, quyết định của Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS được thực hiện theo pháp luật về thi hành án dân sự. Tuy nhiên, việc khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thi hành quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản liên quan đến hành vi, quyết định của QTV, DNQL, TLTS không chỉ theo quy định của pháp luật về THADS mà còn phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

1.12. Các vấn đề liên quan khác

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 131 LPS 2014, đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được Tòa án nhân dân thụ lý trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa ra quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản thì áp dụng quy định của Luật này để tiếp tục giải quyết. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo LPS 2014 có một số điểm cơ bản khác với LPS 2004 như: QTV, DNQL, TLTS thay thế cho Tổ quản lý, thanh lý tài sản; nội dung, trình tự và nghị quyết của Hội nghị chủ nợ; tuyên bố DN, HTX phá sản trước thanh lý tài sản còn lại trong khi LPS 2004 lại quy định thủ tục thanh lý tài sản trước khi tuyên bố phá sản... Vì vậy, việc tiếp tục tiến hành thủ tục phá sản đối với các yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được thụ lý trước ngày Luật này có hiệu

lực mà đã ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản gặp rất nhiều vướng mắc, khó khăn.

- Pháp luật phá sản còn thiếu quy định về hệ thống các biểu mẫu văn bản trong giải quyết phá sản, trong khi đó, vụ việc phá sản được coi là siêu vụ án, tập hợp nhiều loại vụ việc khác nhau, việc thiếu các biểu mẫu đã gây nhiều khó khăn cho những người tiến hành cũng như người tham gia thủ tục phá sản.

- LPS 2014 chưa quy định cụ thể về các vấn đề liên quan tài chính kế toán, thanh quyết toán và phối hợp giữa các cơ quan và QTV dẫn đến người tiến hành phá sản gặp nhiều khó khăn và mất thời gian trong việc thanh quyết toán kinh phí, chi phí phá sản.

2. Một số quy định chồng chéo, không thống nhất giữa LPS 2014 và luật khác

2.1. Giữa LPS 2014 và Bộ luật Tố tụng dân sự

- Khoản 2 Điều 71 LPS 2014 chưa có quy định những việc thi hành án hoặc giải quyết vụ án phát sinh sau khi có quyết định thụ lý đơn thì sau khi ra quyết định mở thủ tục phá sản vẫn cần phải bị đình chỉ nếu thuộc các trường hợp phải đình chỉ theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự thì xử lý như thế nào.

- Điểm d Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự không quy định phải chuyển vụ án cho Tòa án đang tiến hành thủ tục phá sản để giải quyết trong trường hợp đã có quyết định mở thủ tục phá sản là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 71 LPS 2014.

- Khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 114 LPS 2014 vừa quy định đình chỉ việc xét xử vụ án vừa quy định tách ra giải quyết bằng vụ án khác theo là trái với khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, theo đó vụ án đã có quyết định đình chỉ giải quyết sẽ không được khởi kiện lại để giải quyết.

2.2. Giữa LPS 2014 và Bộ luật Dân sự

- Quy định về hậu quả pháp lý cụ thể của giao dịch dân sự vô hiệu (Điều 59, Điều 60 LPS 2014 và Điều 123,124,131 Bộ Luật Dân sự)

Điều 59, Điều 60 LPS 2014 dẫn chiếu Điều 131 Bộ Luật Dân sự về hậu quả pháp lý cụ thể của giao dịch dân sự vô hiệu là chưa phù hợp với đặc thù của việc tuyên bố phá sản DN, HTX, nhất là tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán là là thương hiệu, sở hữu trí tuệ. Đồng thời, LPS 2014 cần bổ sung quy định dẫn chiếu quy định các giao dịch vô hiệu đối với các trường hợp giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật (Điều 123), giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo (Điều 124). Ngoài ra, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo vệ quyền lợi của người cho thuê, cho mượn tài sản trong trường hợp không có sự chấp thuận nhưng DN, HTX mất khả năng thanh toán tự ý bán các tài sản thuê hoặc mượn.

- Điểm b khoản 1 Điều 72 về giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc qui quy định "*Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án*

nhân dân đã có hiệu lực pháp luật và có quyết định kê biên tài sản của DN, HTX để bảo đảm thi hành án thì người được thi hành án được thanh toán như một chủ nợ có bảo đảm". Theo quy định của Bộ luật Dân sự, chủ nợ có bảo đảm được xác lập thông qua các giao dịch dân sự, như hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, cầm cố... và phải đăng ký giao dịch bảo đảm nếu pháp luật có qui định, các giao dịch trên phải được xác lập trước khi mở thủ tục phá sản. Trường hợp giữa chủ nợ và doanh nghiệp phá sản có tranh chấp thì bản án của Tòa án có giá trị xác định một khoản nợ có tranh chấp, xác định nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp phá sản. Việc cho rằng quyết định kê biên tài sản của cơ quan THADS có giá trị biến các khoản nợ không có bảo đảm thành khoản nợ có bảo đảm là tạo ra sự không công bằng trong việc tham gia thanh toán từ tài sản còn lại của doanh nghiệp phá sản, đi ngược với nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ.

2.3. Giữa LPS 2014 và Luật Đất đai

Điểm a khoản 2 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai quy định Nhà nước sẽ tiến hành thu hồi đất đối với một số loại đất có nguồn gốc được Nhà nước hỗ trợ. Điều này dẫn đến thực tế QTV, DNQL, TLTS không thể thanh lý tài sản trên đất theo khoản 4 Điều 121 LPS 2014 do đất đã bị thu hồi, gây thiệt hại nghiêm trọng cho doanh nghiệp và chủ nợ doanh nghiệp.

2.4. Giữa LPS 2014 và Luật Doanh nghiệp

- Về quyền được nhận giá trị tài sản công ty của chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên sau khi công ty hoàn thành phá sản (khoản 2 Điều 54 LPS 2014 và điểm d khoản 1 Điều 49 Luật Doanh nghiệp, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 76 Luật Doanh nghiệp, điểm g khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, điểm g khoản 1 Điều 118 Luật Doanh nghiệp)

Luật Doanh nghiệp quy định phạm vi thu hồi giá trị tài sản của doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp phá sản là toàn bộ. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 54 LPS 2014 thì giá trị tài sản của doanh nghiệp là phần tài sản còn lại sau khi đã thanh toán đủ các khoản nợ tại Khoản 1 Điều này.

- Quy định về tổ chức quản lý doanh nghiệp và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức mà bị giải thể hoặc phá sản (Điều 54 LPS 2014 và Khoản 6 Điều 78 Luật Doanh nghiệp)

Khoản 6 Điều 78 Luật Doanh nghiệp quy định về tổ chức quản lý doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản là không phù hợp do về bản chất, phá sản dẫn tới việc doanh nghiệp chấm dứt tồn tại pháp nhân và toàn bộ tài sản của doanh nghiệp được phân chia theo Điều 54 LPS 2014

- Quy định về QTV thực hiện việc đại diện cho DN, HTX mất khả năng thanh toán (khoản 2 Điều 16 LPS 2014 và khoản 3 Điều 54, khoản 3 Điều 79, khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp)

Luật Doanh nghiệp không có quy định QTV là thành phần đại diện cho DN, HTX là mâu thuẫn với khoản 2 Điều 16 LPS 2014 về quyền đại diện của QTV.

- *Quy định quyền của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần đối với yêu cầu phá sản công ty (khoản 4 Điều 5 LPS 2014 và Điểm p khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp)*

Điểm p khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp chưa quy định quyền của hạn của Đại hội đồng cổ đông đối với yêu cầu phá sản công ty do Hội đồng quản trị đưa ra là chưa phù hợp do Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

- *Quy định về người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (khoản 3 Điều 5 LPS 2014 và khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp; khoản 4 Điều 5 LPS 2014 và điểm m, điểm p khoản 2 Điều 55 Luật Doanh nghiệp; khoản 5 Điều 5 và Khoản 1 Điều 29 LPS 2014; khoản 1 Điều 29 LPS 2014 và Điều 115 Luật Doanh nghiệp)*

Khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp chưa quy định cụ thể trong trường hợp có nhiều người đại diện thì người đại diện nào sẽ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo khoản 3 Điều 5 LPS 2014. Đồng thời, khoản 4 Điều 5 LPS 2014 và điểm m khoản 2 Điều 55, điểm p khoản 2 Điều 55 Luật Doanh nghiệp quy định mâu thuẫn về chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Đồng thời, Điều 115 Luật Doanh nghiệp chưa quy định quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của cổ đông là thiếu thống nhất với Khoản 5 Điều 5 và Khoản 1 Điều 29 LPS 2014.

2.5. Giữa LPS 2014 và Luật THADS

- *Về thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án (Điều 41 LPS 2014 và khoản 2 Điều 49 Luật THADS)*

Điều 41 LPS 2014 quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân thụ lý vụ việc phá sản, cơ quan THADS phải tạm đình chỉ thi hành án dân sự về tài sản mà DN, HTX là người phải thi hành án. Khoản 2 Điều 49 Luật THADS quy định thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với người phải thi hành án.

- *Khoản 1 Điều 71 LPS 2014 và khoản 37 Luật THADS*

Khoản 1 Điều 71 LPS 2014 quy định trường hợp Tòa án ra quyết định không mở thủ tục phá sản thì cơ quan thi hành án đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án phải ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó. Tuy nhiên, theo khoản 3 Điều 37 Luật THADS thì đây không thuộc trường hợp ra quyết định hủy bỏ quyết định về thi hành án. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 49 Luật THADS quy định Cơ quan THADS đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án phải ra quyết định tiếp tục thi hành án đối với trường hợp Tòa án quyết định không mở thủ tục phá sản.

- Khoản 2, 3 Điều 71 LPS 2014 và khoản 3 Điều 137 Luật THADS

Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 71 LPS 2014 thì trường hợp cơ quan THADS đã ra quyết định đình chỉ thi hành án nhưng Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản và đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, thì cơ quan THADS ra quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ. Tuy nhiên, Luật THADS không quy định hủy bỏ quyết định đình chỉ thi hành án mà khoản 3 Điều 137 Luật này quy định trường hợp nhận được quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản hoặc đình chỉ thủ tục phục hồi kinh doanh, Thủ trưởng Cơ quan THADS thu hồi quyết định đình chỉ thi hành án và tiếp tục thi hành án đối với phần nghĩa vụ về tài sản còn phải thi hành đã đình chỉ đối với DN, HTX.

- Khoản 1 Điều 120 LPS 2014 và khoản 2 Điều 36 Luật THADS

Khoản 2 Điều 36 Luật THADS quy định thời hạn ra quyết định thi hành án đối với quyết định tuyên bố phá sản là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định; khoản 1 Điều 120 LPS 2014 quy định: “*Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan THADS có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành*”.

- Về định giá lại tài sản (Điều 123 LPS 2014 và Điều 99 Luật THADS)

Theo quy định Điều 123 LPS 2014 thì định giá lại tài sản chỉ được thực hiện trong một trường hợp duy nhất là khi có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 122 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản. Đây là quy định đặc thù của pháp luật phá sản để đáp ứng yêu cầu giải quyết phá sản. Tuy nhiên Điều 99 Luật THADS quy định có 02 trường hợp có thể định giá lại tài sản kê biên mà không có quy định loại trừ trường hợp thi hành các quyết định về phá sản, gồm (1) Chấp hành viên có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 98 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản; (2) Đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản.

2.6. Giữa LPS 2014 và Luật Công đoàn, Bộ luật Lao động

- Khoản 3 Điều 4 Luật Công đoàn và khoản 3 Điều 7 Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XII chưa quy định về việc xác định tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở là tổ chức nào trong trường hợp không có công đoàn cơ sở để thực hiện quyền thay mặt người lao động yêu cầu tuyên bố phá sản theo khoản 2 Điều 5 LPS 2014.

- LPS 2014 không quy định cụ thể về thủ tục cử đại diện cho người lao động vì vậy, gây khó khăn, lúng túng trong thực tiễn khi người lao động ủy quyền cho đại diện tham gia hội nghị chủ nợ. Đồng thời, Điều 17 Luật Công đoàn chưa xác định chủ thể nào trong công đoàn cấp trên trực tiếp sẽ ký vào đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, cũng như thủ tục người lao động cho phép tổ chức công đoàn thay mặt mình nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Bộ luật Lao động và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP đều không quy định cụ thể về trả trợ cấp thôi việc và các quyền lợi khác cho người lao động

đối với trường hợp DN, HTX phá sản. Tuy nhiên, điểm b khoản 1 Điều 54 LPS 2014 quy định về nghĩa vụ thanh toán các khoản trợ cấp, quyền lợi nêu trên cho người lao động của DN, HTX phá sản

2.7. Giữa LPS 2014 và Luật Các tổ chức tín dụng

- Quy định về bảo mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng (Khoản 1 Điều 6 LPS 2014 và Khoản 3 Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng)

Quy định về trách nhiệm thông báo cho những người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu thủ tục phá sản trong trường hợp tổ chức tín dụng biết được tình trạng mất khả năng thanh toán của DN, HTX là không khả thi. Bởi theo Khoản 3 Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng thì chỉ được tiết lộ thông tin nếu được sự chấp thuận của khách hàng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Quy định thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng (Điều 188, 189, 190 và Điều 203 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 97 LPS 2014)

Mặc dù Điều 188, 189, 190 và Điều 203 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định riêng biệt về phá sản tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, Chương VIII LPS 2014 chưa có quy định dẫn chiếu đến Luật Các tổ chức tín dụng.

2.8. Giữa LPS 2014 và Luật Giá

Quy định về điều kiện hành nghề của QTV tại Điều 12 LPS 2014 không bao gồm chuyên môn nghiệp vụ trong việc thẩm định giá, dẫn đến khả năng thiệt hại của doanh nghiệp khi bị quản lý, thanh lý tài sản. Đồng thời, đề nghị sửa cụm từ “dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản” tại Khoản 1 Điều 123 LPS 2014 thành “dẫn đến sai lệch kết quả thẩm định giá tài sản” để đảm bảo thống nhất với khoản 5 Điều 4, khoản 15 Điều 4 Luật Giá. Khoản 1 Điều 123 LPS 2014 cũng cần có quy định cụ thể về thời gian thực hiện định giá lại sau khi phát hiện có sai phạm kết quả thẩm định giá tài sản.

2.9. Giữa LPS 2014 và Luật Quản lý thuế

Điều 85 Luật Quản lý thuế quy định DN, HTX bị tuyên bố phá sản thì được xóa nợ thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 110 LPS 2014 quy định không miễn trừ nghĩa vụ về tài sản đối với chủ nợ, bao gồm nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước.

2.10. Giữa LPS 2014 và pháp luật về kế toán, kiểm toán

- Quy định về kiểm toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (khoản 5 Điều 9, Điều 28 LPS 2014 và Điều 37, Điều 55 Văn bản hợp nhất Luật Kiểm toán nhà nước, Điều 105, 106 Luật Hợp tác xã)

Điều 55 Văn bản hợp nhất Luật Kiểm toán nhà nước không quy định hợp tác xã là một trong các đơn vị được kiểm toán. Khoản 2 Điều 105 Luật Hợp tác xã quy định Nhà nước khuyến khích hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không hoạt động trong lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này. Đồng thời, khoản 1 Điều 106 Luật Hợp tác xã quy định báo cáo tài chính của hợp tác xã,

liên hiệp hợp tác xã đáp ứng một số điều kiện về quy mô, số lượng thành viên phải được kiểm toán độc lập. Việc quy định Thẩm phán phải xem xét báo cáo tài chính kê cả chưa được kiểm toán để ra quyết định mở hay không mở thủ tục phá sản trong khi Thẩm phán không được đào tạo về chuyên môn nêu trên là không hợp lý.

- Quy định về kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính (khoản 3 Điều 12 Luật Kế toán và khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 40 LPS 2014)

Khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 40 LPS 2014 thì nghĩa vụ nộp báo cáo tài chính của DN, HTX mất khả năng thanh toán được quy định tại một trong hai thời điểm: (i) tại thời điểm nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho Tòa án; hoặc (ii) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Tòa án về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tuy nhiên, theo Luật Kế toán thì doanh nghiệp phá phải lập báo cáo tài chính đến trước ngày quyết định phá sản có hiệu lực là thiếu thống nhất so với LPS 2014.

3. Đánh giá nhu cầu thực tiễn của những chế định mới cần được LPS 2014 quy định

3.1. Xây dựng thủ tục phá sản giản lược đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, hợp tác xã có đủ điều kiện luật định

Tính đến giữa tháng 10/2022, Việt Nam có khoảng hơn 800 nghìn doanh nghiệp vừa và nhỏ¹⁴ với doanh thu từ 50 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng/năm và sử dụng thường xuyên từ 50 đến 200 lao động tùy lĩnh vực kinh doanh. Ngoài ra còn có các doanh nghiệp siêu nhỏ với doanh thu bình quân dưới 3 tỷ/năm hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng và sử dụng thường xuyên không quá 10 lao động. Các doanh nghiệp này thường có hoạt động kinh doanh đơn giản, chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, tuy nhiên cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và tạo công ăn việc làm cho các lao động tại địa phương¹⁵.

Bên cạnh đó, năm 2021, cả nước ta có khoảng 27.342 hợp tác xã (có 18.327 hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và 9.015 hợp tác xã phi nông nghiệp)¹⁶, theo đó hợp tác xã quy mô thành viên siêu nhỏ là hợp tác xã có dưới 50 thành viên, có tổng nguồn vốn dưới 1 tỷ đồng¹⁷.

Các DN, HTX vừa, nhỏ và siêu nhỏ được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hỗ trợ tiếp cận tín dụng, ưu đãi thuế suất; hỗ trợ mặt bằng sản xuất, giá thuê mặt bằng; mở rộng thị trường; hỗ trợ công nghệ, thông tin, tư vấn và pháp

¹⁴ Xem tại <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/dich-vu/1050899/62-doanh-nghiep-nho-va-vua-da-tiep-can-cac-nen-tang-so-make-in-vietnam>, truy cập lần cuối ngày 20/5/2023.

¹⁵ Tiêu chí phân loại doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ được quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

¹⁶ Báo cáo tổng kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 (giai đoạn 2013-2021) (Kèm theo Công văn số 8505/BKHĐT-HTX ngày 03/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

¹⁷ Khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã.

lý, đào tạo phát triển nguồn nhân lực... Doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.¹⁸ Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ có thể tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ hoặc tổ chức quản trị gọn, được hỗ trợ chi phí kiểm toán khi được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định¹⁹.

Các DN, HTX siêu nhỏ thường có quy mô tổ chức đơn giản, phạm vi kinh doanh, lĩnh vực hoạt động nhỏ lẻ, tài sản ít, có giá trị không lớn, vì vậy, trong trường hợp DN, HTX mất khả năng thanh toán, không có cơ hội phục hồi thì việc giải quyết phá sản với những đối tượng này không phức tạp.

Bên cạnh đó, xuất phát từ việc giá trị tài sản nhỏ, số lượng chủ nợ ít nên DN, HTX siêu nhỏ sẽ gặp khó khăn về tài chính trong thủ tục giải quyết phá sản theo thủ tục phức tạp áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, điển hình là không đảm bảo chi phí QTV dẫn đến gây khó khăn cho quá trình giải quyết phá sản. Các chủ nợ cũng không có động lực để nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản đối với những trường hợp này dẫn đến hệ lụy đối với nền kinh tế, đó là DN, HTX siêu nhỏ tự biến mất khỏi thị trường.

3.2. Áp dụng thủ tục hòa giải trong giải quyết vụ việc phá sản

- LPS 2014 khuyến khích việc thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với DN, HTX mất khả năng thanh toán²⁰. Tuy nhiên, thương lượng chỉ giữa chủ nợ nộp đơn và DN, HTX mất khả năng thanh toán trong một khoảng thời gian ngắn (20 ngày) nên thường không đạt được kết quả thương lượng thành. Mặt khác, giải quyết phá sản là thủ tục đòi nợ tập thể, việc thương lượng giữa từng chủ nợ riêng lẻ sẽ tạo nên sự bất bình đẳng trong giải quyết phá sản vì các chủ nợ khác không được thanh toán nợ.

- Thực tiễn giải quyết phá sản cho thấy, có nhiều trường hợp Thẩm phán giải quyết phá sản tiến hành hòa giải thành công để các chủ nợ nhất trí cho doanh nghiệp được phục hồi. Có trường hợp các chủ nợ và doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán có thể thỏa thuận được với nhau về việc giảm nợ (xóa nợ một phần) và phương thức thanh toán, yêu cầu tạm ngừng thủ tục phá sản một khoảng thời gian nhất định để thực hiện việc thanh toán; Thành viên hoặc cổ đông công ty đề xuất phương án bán vốn góp, cổ phần hoặc tăng vốn đầu tư; Nhà đầu tư khác muốn mua vốn góp, cổ phần để trở thành chủ sở hữu, tái đầu tư và trả nợ cho chủ nợ .v.v. Tuy nhiên, do LPS 2014 hiện hành không có quy định về thủ tục hòa giải và công nhận sự thỏa thuận của các bên tham gia thủ tục phá sản (kể cả những người khác tuy không trực tiếp tham gia thủ tục phá sản, nhưng có quan tâm đến lợi ích của doanh nghiệp) nên Thẩm phán không thể ra quyết định công nhận sự thỏa thuận, mặc dù nội dung thỏa thuận không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội và có thể góp phần

¹⁸ Theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

¹⁹ Khoản 1 Điều 27, khoản 3 Điều 56 Luật Hợp tác xã năm 2023.

²⁰ Điều 37 của LPS 2014.

giải quyết vụ việc phá sản nhanh chóng và hiệu quả, bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên.

4. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

- Về quy định của pháp luật: Các quy định của LPS 2014 còn thiếu, một số quy định chưa rõ ràng, còn những cách hiểu khác nhau dẫn đến các Tòa án thực hiện không thống nhất; có những quy định không phù hợp, không có tính khả thi đặc biệt là các quy định về thời hiệu, thời hạn; có những quy định chưa đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu mở thủ tục phá sản cũng như DN, HTX bị yêu cầu mở thủ tục phá sản; có một số quy định chưa thống nhất, mâu thuẫn với các luật khác có liên quan. Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn những điều luật được LPS 2014 giao nhưng vẫn chưa đáp ứng được so với yêu cầu của thực tiễn. Chính những nguyên nhân trên đã dẫn đến tình trạng nhiều vụ việc phá sản bị kéo dài, thậm chí có những vụ việc phá sản không thể giải quyết được.

Đối với thủ tục phục hồi, pháp luật chưa có quy định rõ ràng về các chính sách, ưu đãi để DN, HTX mặn mà với việc thực hiện phục hồi khả năng sản xuất, kinh doanh; các DN, HTX hầu hết không còn khả năng hoạt động, không còn tiền, tài sản mới đề nghị giải quyết phá sản dẫn đến những hậu quả nặng nề cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan và nền kinh tế nói chung.

- Về tổ chức bộ máy có thẩm quyền giải quyết: Việc giải quyết phá sản chưa được tổ chức thực hiện bằng tổ chức Tòa án chuyên biệt mà thẩm quyền giao đều cho tất cả các Tòa án theo địa giới hành chính cấp huyện, cấp tỉnh, dẫn tới việc tổ chức, giải quyết vụ việc phá sản chưa được thực hiện tập trung chuyên nghiệp.

- Về người có thẩm quyền giải quyết vụ việc:

+ Trình độ năng lực của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Chấp hành viên trong giải quyết phá sản còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giải quyết phá sản doanh nghiệp; chưa thực sự am hiểu sâu sắc về pháp luật phá sản và các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan khác như tài chính, kế toán, ngân hàng... Trong khi đó, số vụ việc yêu cầu mở thủ tục phá sản tại mỗi Tòa án thụ lý giải quyết không nhiều, Thẩm phán không có nhiều cơ hội tích lũy kinh nghiệm, dẫn đến lúng túng trong quá trình xem xét đơn yêu cầu, việc đánh giá tài liệu, chứng cứ, giải quyết toàn diện các mối quan hệ trong vụ việc gặp nhiều khó khăn.

+ Một số Thẩm phán còn e ngại khi được phân công giải quyết vụ việc phá sản do tính chất phức tạp của loại án này, chưa tích cực nghiên cứu, học hỏi để nâng cao kỹ năng giải quyết vụ việc phá sản.

- Về phía QTV: QTV là nghề mới xuất hiện tại Việt Nam; đội ngũ QTV còn thiếu cả về số lượng cũng như kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng xử lý vụ việc phá sản. Nhiều vụ việc, doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán không còn tiền, tài sản để thanh toán chi phí QTV dẫn đến QTV không mặn mà, không thực hiện hết nhiệm vụ của mình, việc thay đổi QTV cũng khó khăn.

- Về người tham gia thủ tục phá sản: Nhận thức về pháp luật phá sản của người tham gia thủ tục phá sản (chủ nợ, DN, HTX mất khả năng thanh toán...) vẫn còn nhiều hạn chế nên không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình như không tham gia hội nghị chủ nợ, không hợp tác thương lượng dù có điều kiện, đại diện doanh nghiệp mất khả năng thanh toán cố tình không có mặt tại địa phương, không hợp tác cung cấp tài liệu chứng cứ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án..., gây khó khăn và kéo dài việc giải quyết phá sản.

- Vấn đề khác:

+ Nhiều quy định của LPS 2014 phản ánh tư tưởng mới (khái niệm DN, HTX mất khả năng thanh toán), chế định mới (QTV)... đặc biệt, chế định QTV là chế định mới chưa có nhiều thực tiễn nên cả người tiến hành thủ tục và người tham gia thủ tục phá sản đều gặp không ít khó khăn, lúng túng trong áp dụng chế định này khi giải quyết vụ việc phá sản như: Một số DN, HTX và các chủ nợ chưa biết đến quyền lựa chọn chỉ định QTV của mình; phạm vi đại diện, tư cách quản lý của QTV, mối quan hệ giữa Quyết định của QTV với Nghị quyết của Đại hội cổ đông của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp phá sản không có người đại diện theo quy định của pháp luật; đối với các vụ việc có yếu tố nước ngoài (chủ nợ, con nợ, tài sản ở nước ngoài) cần phải uỷ thác tư pháp nhưng LPS 2014 chưa quy định cụ thể thể thức uỷ thác như pháp luật tố tụng dân sự; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kiểm kê, cơ chế thu hồi tài sản, định giá, thanh lý tài sản ở nước ngoài... và nhiều quy định khác về thủ tục, thẩm quyền giải quyết các hoạt động trong quá trình giải quyết phá sản còn chung chung, khó thực hiện...

+ Công tác tuyên truyền, tập huấn về phá sản chưa nhiều và không thường xuyên.

+ Công tác phối hợp giữa Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Bộ Tư pháp, bộ, ngành, cơ quan và tổ chức khác trong việc thực hiện các quy định của pháp luật phá sản chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để khắc phục những hạn chế, vướng mắc từ thực tiễn thi hành LPS 2014 thì cần nghiên cứu, sửa đổi Luật, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và pháp luật có liên quan theo hướng như sau:

3.1. Sửa đổi, bổ sung quy định của Luật phá sản

a) Sửa đổi, hoàn thiện thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của DN, HTX

- Xây dựng, hoàn thiện thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh theo hướng phù hợp, linh hoạt, độc lập với thủ tục phá sản.

- Quy định chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh phù hợp, nhằm cứu DN, HTX và bảo toàn tiền, tài sản của các chủ thể.

- DN, HTX không đủ điều kiện phục hồi hoạt động kinh doanh thì Tòa

án chuyên vụ việc sang thủ tục phá sản.

b) Sửa đổi, hoàn thiện thủ tục phá sản giản lược đối với DN, HTX

- Nghiên cứu, quy định thủ tục phục hồi giản lược và thủ tục phá sản giản lược đối với DN, HTX có đủ điều kiện luật định; xây dựng điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi giản lược và thủ tục phá sản giản lược; quy định đơn giản về thủ tục, điều kiện, rút ngắn về thời gian, giảm chi phí so với thủ tục chung.

- DN, HTX không còn tài sản thì bị tuyên bố phá sản như quy định của LPS 2014.

c) Nghiên cứu, quy định về thủ tục tố tụng điện tử giải quyết vụ việc phá sản

Đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số, giải quyết nhanh chóng, thuận tiện, hiệu quả hơn vụ việc phá sản, cần nghiên cứu, quy định các vấn đề về thủ tục tố tụng điện tử để giải quyết vụ việc phá sản, như:

- Điều kiện, thủ tục cấp, tổng đạt thông báo bằng phương tiện điện tử; nộp lệ phí, chi phí phá sản trực tuyến.

- Tài liệu, chứng cứ điện tử; việc thu thập, cung cấp, tiếp nhận tài liệu, chứng cứ điện tử tại Tòa án; xây dựng hồ sơ phá sản điện tử.

- Tổ chức các phiên họp; phiên thương lượng, hòa giải; Hội nghị chủ nợ trực tuyến.

- Công khai các hoạt động giải quyết phục hồi, phá sản.

d) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định nâng cao vai trò và trách nhiệm của QTV trong giải quyết phá sản

- Hoàn thiện quy định về vai trò, nhiệm vụ của QTV theo hướng bổ sung các nhiệm vụ, quyền hạn đối với QTV; bổ sung quyền và cơ chế hỗ trợ QTV trong việc thực hiện các nhiệm vụ như thu thập tài liệu, chứng cứ, kiểm kê tài sản, thực hiện việc đại diện DN, HTX trong các tranh chấp về tài sản phá sản và trường hợp doanh nghiệp không có người đại diện; sự phối hợp giữa các QTV trong việc thực hiện nhiệm vụ...

- Sửa đổi quy định về thủ lao QTV cho phù hợp và tương xứng với công sức của QTV, thu hút QTV có năng lực, trình độ cao tham gia thủ tục phá sản, thủ tục phục hồi.

- Hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm QTV phù hợp vai trò nhiệm vụ của QTV đối với thủ tục phục hồi và phá sản.

- Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của QTV khi vi phạm, đặc biệt là bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; quy định về quản lý, giám sát hoạt động của QTV.

đ) Hoàn thiện trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc phá sản

- Về thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản

Rà soát, quy định cụ thể về thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản của các Tòa án phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024. Để bảo đảm tính chuyên môn hoá và sự chuyên sâu trong hoạt động; đồng thời, phát huy trình độ chuyên môn sâu của Thẩm phán trong giải quyết phá sản, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các vụ việc, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 bổ sung quy định về việc thành lập, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản (các điều 4, 62 và 63). Theo đó, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 quy định Tòa án nhân dân chuyên biệt Phá sản có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết vụ việc phá sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo quy định của luật (khoản 3 Điều 62). Vì vậy, cần rà soát, sửa đổi các quy định về thẩm quyền của các Tòa án trong giải quyết phá sản phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024.

- Về quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Nghiên cứu, bổ sung các trường hợp có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo vệ tốt hơn quyền, nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, như:

+ Người được thi hành án theo bản án đã có hiệu lực pháp luật và chủ nợ có bảo đảm trong trường hợp việc xử lý tài sản bảo đảm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và sự tồn tại của doanh nghiệp.

+ Thành viên hoặc nhóm thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên được quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản như cổ đông, hoặc nhóm cổ đông trong công ty cổ phần...

+ Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

+ Doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bị yêu cầu giải thể nhưng mất khả năng thanh toán.

- Về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát²¹

Nghiên cứu, quy định thẩm quyền của Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết vụ việc phá sản phù hợp với Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.

- *Về thời hạn trong giải quyết phá sản:* Nghiên cứu, sửa đổi quy định các thời hạn trong giải quyết phá sản phù hợp, bảo đảm khả thi, hiệu quả giải quyết vụ việc phá sản.

- Về thẩm quyền giải quyết phá sản của Tòa án nhân dân

Bổ sung quy định về việc Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc sau khi tiếp nhận vụ việc do Tòa án khác đã thụ lý, giải quyết thì tùy từng trường hợp cụ thể Tòa án có thẩm quyền giải quyết có thể sử dụng QTV, DNQL, TLTS, các kết quả kiểm kê tài sản, xác minh thu thập thông tin, tài liệu... mà

²¹ Kiến nghị của VKSNDTC

Tòa án trước đó đã thực hiện nhằm tránh kéo dài thời gian giải quyết vụ việc, phát sinh thêm chi phí giải quyết.

- Về áp dụng thủ tục hòa giải trong giải quyết vụ việc phá sản

Nghiên cứu, cân nhắc bổ sung quy định về hòa giải trong giải quyết phá sản DN, HTX nhằm khuyến khích các chủ nợ và DN, HTX bị mất khả năng thanh toán có thể thỏa thuận được với nhau về việc giảm nợ (xóa nợ một phần) và phương thức thanh toán, yêu cầu tạm ngừng thủ tục phá sản một khoảng thời gian nhất định để thực hiện việc thanh toán; thành viên hoặc cổ đông công ty đề xuất phương án bán vốn góp, cổ phần hoặc tăng vốn đầu tư; Nhà đầu tư khác muốn mua vốn góp, cổ phần để trở thành chủ sở hữu, tái đầu tư và trả nợ cho chủ nợ... góp phần giải quyết vụ việc phá sản nhanh chóng, hiệu quả, bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên.

- Về tạm ứng chi phí phá sản

+ Bổ sung quy định về dự tính số tiền tạm ứng chi phí phá sản.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về tạm ứng chi phí phá sản đối với trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí phá sản thì ngân sách Nhà nước tạm ứng để chi trả các chi phí phát sinh. Khi thanh lý tài sản của DN, HTX thì sẽ ưu tiên trả cho ngân sách số tiền tạm ứng chi phí phá sản trước khi phân chia tài sản phá sản.

+ Bổ sung quy định về nguồn kinh phí để chi trả trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản và thực hiện việc thanh lý tài sản.

+ Bổ sung quy định về hướng xử lý trong trường hợp người yêu cầu rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và tiền lệ phí phá sản mà người yêu cầu đã nộp.

- Về tạm đình chỉ giải quyết vụ việc phá sản

Bổ sung quy định về tạm đình chỉ giải quyết vụ việc phá sản trong trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ để xác định chủ nợ, xác định giá trị tài sản của DN, HTX và các vấn đề khác có liên quan cho Tòa án trong thời hạn quy định mà cần phải chờ tài liệu, chứng cứ đó mới giải quyết được vụ việc.

- Về giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc

Bổ sung quy định xử lý đối với các phán quyết, quyết định đã có hiệu lực của Trọng tài thương mại và những vụ việc đang được giải quyết theo thủ tục Trọng tài bị tạm đình chỉ.

- Về xử lý tài sản bảo đảm

+ Bổ sung quy định về tách khoản nợ có bảo đảm để xử lý ngay và việc thi hành quyết định xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp đã tách khoản nợ có bảo đảm; xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp chủ nợ từ chối không nhận tài sản bảo đảm để trừ nợ.

+ Bổ sung quy định về việc xử lý tài sản bảo đảm của bên thứ ba, khi đó, bên thứ ba trở thành chủ nợ không có bảo đảm và được phân chia tài sản như chủ nợ không có bảo đảm.

- *Về xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản*

+ Sửa đổi quy định về thời hạn giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố phá sản của Tổ Thẩm phán theo hướng tăng thời hạn để đảm bảo cho việc xem xét giải quyết của Tổ Thẩm phán.

+ Bổ sung quy định về việc giải quyết hậu quả, bao gồm cả chi phí phá sản, việc khôi phục đối với vụ việc đã đình chỉ trong quyết định giải quyết lại.

+ Bổ sung quy định về thẩm quyền kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản.

+ Bổ sung quy định về thẩm quyền của Tổ Thẩm phán ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc trong trường hợp người đề nghị rút đơn đề nghị, Viện kiểm sát rút kháng nghị đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản và quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định trường hợp người tham gia thủ tục phá sản rút đơn đề nghị, Viện kiểm sát rút kháng nghị.

- *Về xử lý tranh chấp tài sản trước khi có quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản*

Sửa đổi, bổ sung quy định về việc chuyển toàn bộ các vụ việc phát sinh trước khi có quyết định tuyên bố phá sản cho Tòa án nhân dân đang tiến hành thủ tục phá sản để giải quyết.

- *Về định giá tài sản, định giá lại tài sản và bán đấu giá tài sản*

+ Bổ sung quy định cơ quan có chức năng về tài chính, có kinh nghiệm về tư vấn và xác định giá trị tài sản của Bộ Tài chính tham gia vào việc định giá tài sản đảm bảo; quy định thống nhất phương pháp định giá tài sản đảm bảo của các DN, HTX lâm vào tình trạng phá sản; thời gian cụ thể xử lý các tài sản đảm bảo cho các khoản vay, nợ; nguồn để thanh toán cho các chủ nợ mới xuất hiện sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản; các khoản nợ không được đảm bảo bằng tài sản (tín chấp)...; quy định về hướng xử lý trong trường hợp tổ chức bán đấu giá không thành.

+ Bổ sung thêm trường hợp về định giá lại tài sản khi đương sự có yêu cầu định giá lại tài sản trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản để bảo đảm quyền và lợi ích của người được thi hành án là các chủ nợ của DN, HTX bị tuyên bố phá sản.

+ Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 123 LPS 2014 theo hướng việc định giá lại tài sản sẽ được thực hiện khi xác định có hành vi vi phạm quy định về định giá tài sản dẫn đến làm sai lệch kết quả định giá tài sản.

- Về một số quy định liên quan đến thời hạn không thể áp dụng và không phù hợp với thực tế

+ Sửa đổi theo hướng kéo dài hơn về thời hạn, bao gồm: (1) thời hạn gửi và thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; (2) thời hạn ban hành quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản đối với những trường hợp cần thực hiện ủy thác tư pháp, vụ việc phá sản phức tạp, có số lượng lớn người tham gia phá sản, trong trường hợp doanh nghiệp có tình không cung cấp danh sách chủ nợ, người mắc nợ hoặc mất dữ liệu, sổ sách; (3) thời hạn tổ chức định giá tài sản và bán đấu giá tài sản đối với tài sản của doanh nghiệp ở nước ngoài; (4) thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản và quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản; (5) thời hạn nghiên cứu hồ sơ của Viện kiểm sát trong xem xét, giải quyết kiến nghị, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản và quyết định tuyên bố DN, HTX phá sản.

+ Bổ sung quy định cụ thể về thời hạn niêm yết danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ; thời hạn thực hiện việc kiểm kê, xác định lại giá trị tài sản của DN, HTX mất khả năng thanh toán; thời hạn QTV, DNQL, TLTS đề xuất Thẩm phán về việc xử lý khoản nợ có bảo đảm đã được tạm đình chỉ; thời gian cụ thể QTV, DNQL, TLTS phải gửi các khoản tiền thu được vào tài khoản vụ việc phá sản mà Tòa án nhân dân, cơ quan THADS đã mở.

+ Sửa đổi để thống nhất giữa LPS 2014 và Luật THADS về thời hạn cơ quan THADS ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, thời hạn cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án và thời gian chuyển giao bản án, quyết định về phá sản cho cơ quan thi hành án.

- Về một số vấn đề khác

+ Nghiên cứu làm rõ hơn các đối tượng điều chỉnh của LPS 2014, việc gộp chung các đối tượng là Hợp tác xã chưa phù hợp với thực tiễn, số lượng thương nhân và pháp nhân theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã.

+ Sửa đổi quy định về DNQL, TLTS theo hướng mở rộng loại hình doanh nghiệp được hành nghề quản lý, thanh lý tài sản để có thể phát triển nghề nghiệp, tăng số lượng QTV tham gia (hiện nay chỉ có Công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân).

+ Sửa đổi quy định về yêu cầu báo cáo tài chính của DN, HTX mất khả năng thanh toán phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định nghĩa vụ của người nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn phải chứng minh DN, HTX mất khả năng thanh toán không còn tiền, tài sản khác để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản; thủ tục chuyển từ thủ tục rút gọn sang thủ tục thông thường nếu phát hiện doanh nghiệp có tài sản đủ để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.

+ Bổ sung quy định chế tài hoặc giải pháp trong trường hợp DN, HTX mất khả năng thanh toán không hợp tác, không cung cấp tài liệu chứng cứ

(danh sách chủ nợ, người mắc nợ, tài sản...) theo yêu cầu của Tòa án, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bỏ trốn, không có mặt tại địa phương.

+ Bổ sung quy định về thủ tục trong trường hợp không tìm thấy địa chỉ của người mắc nợ.

+ Bổ sung quy định bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong trường hợp chủ nợ của doanh nghiệp ở nước ngoài hoặc lý do bất khả kháng dẫn đến không biết về việc phá sản của doanh nghiệp và gửi giấy đòi nợ.

+ Bổ sung quy định về chấp nhận hay không việc bổ sung danh sách chủ nợ sau khi có quyết định tuyên bố phá sản.

+ Bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến doanh nghiệp bị yêu cầu tuyên bố phá sản được quyền tham gia vụ việc phá sản, cũng như tham gia Hội nghị chủ nợ.

+ Nghiên cứu, sửa đổi quy định thời điểm quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản có hiệu lực thi hành.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng được nhận quyết định tuyên bố phá sản gồm cả người tham gia thủ tục phá sản để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

+ Bổ sung quy định về kế thừa quyền và nghĩa vụ của người tham gia thủ tục phá sản trong trường hợp người tham gia thủ tục phá sản là cá nhân chết hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản.

+ Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thanh lý tài sản cho phù hợp với Luật THADS.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý nhà nước đối với QTV, DNQL, TLTS theo hướng giao Tòa án là cơ quan đầu mối vừa thực hiện cấp phép, đăng ký hành nghề, vừa chỉ định QTV, DNQL, TLTS tham gia giải quyết vụ việc phá sản để khắc phục khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quản lý, giám sát cũng như tạo cơ chế, điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động của QTV, DNQL, TLTS.

+ Bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp, cung cấp, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan có liên quan và Tòa án nhằm tăng cường hiệu quả trong cảnh báo sớm về tình trạng tài chính của DN, HTX; triển khai phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của DN, HTX; giải quyết phá sản.

3.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia giải quyết vụ việc phá sản và chuẩn bị các điều kiện khác đáp ứng yêu cầu giải quyết phục hồi, phá sản DN, HTX

- Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia giải quyết phá sản như:

+ Tăng cường các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ giải quyết phục hồi, phá sản đặc thù đối với Thẩm phán, QTV, Chấp hành viên, Kiểm sát viên.

+ Xây dựng nguồn Thẩm phán, Chấp hành viên, Kiểm sát viên chuyên biệt giải quyết phục hồi, phá sản DN, HTX.

+ Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, tăng số lượng và chất lượng QTV, DNQL, TLTS trên toàn quốc, đặc biệt là những vùng có nhiều vụ việc phá sản.

- Đầu tư, chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân chuyên biệt phá sản chuyên nghiệp, hiện đại đáp ứng yêu cầu tổ chức chuyên môn hóa giải quyết phục hồi, phá sản, nhất là yêu cầu thực hiện các thủ tục tố tụng điện tử.

3.3. Vấn đề khác

- Nghiên cứu, sửa đổi các chính sách, pháp luật liên quan tái cơ cấu DN, HTX, thu hút các DN, HTX mạnh dạn yêu cầu thực hiện thủ tục phục hồi, phá sản khi nhận thấy nguy cơ về khả năng thanh toán của DN, HTX nhằm tăng cơ hội tồn tại và phát triển trở lại của DN, HTX hoặc kịp thời giải quyết hậu quả kinh doanh, tránh gây thiệt hại nhiều hơn cho các chủ nợ, nền kinh tế.

- Tăng cường phổ biến kiến thức về pháp luật phá sản, nâng cao hiểu biết của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về pháp luật phá sản góp phần đề các cơ quan, tổ chức, cá nhân hiểu được vai trò, ý nghĩa của hoạt động phục hồi, phá sản DN, HTX và thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong giải quyết phá sản.

- Các cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm trong việc thực hiện giải quyết phá sản tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng, tiến độ giải quyết vụ việc phá sản.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Luật Phá sản năm 2014, Tòa án nhân dân tối cao trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH-P2.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ
HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG THỐNG NHẤT LUẬT PHÁ SẢN NĂM 2014

1. Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.
2. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã..
3. Thông tư số 01/2015/TT-CA của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy chế làm việc của các Tổ Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản (Điều 31 Luật Phá sản).
4. Thông tư liên tịch số 07/2018/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 12/6/2018 của Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao quy định việc phối hợp trong thi hành quyết định của Tòa án giải quyết phá sản.
5. Thông tư số 31/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tài sản hình thành từ nhiều nguồn vốn khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/5/2018).
6. Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26/8/2020 của HĐTP TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản (Điều 8, khoản 14 Điều 9, Điều 70 và Điều 104). Theo đó, Nghị quyết này hướng dẫn cụ thể về tài sản ở nước ngoài, người tham gia thủ tục phá sản ở nước ngoài; về vụ việc phá sản có tính chất phức tạp; về tham khảo quyết định giải quyết phá sản trước đó trong vụ việc phá sản tương tự; về biện pháp khẩn cấp tạm thời; về quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản.
7. Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân.
8. Công văn số 55/TANDTC-KHXX ngày 23/3/2015 về việc thi hành Luật Phá sản năm 2014 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, tỉnh Ninh Bình.
9. Công văn số 62/TANDTC-KHXX ngày 31/3/2015 về việc triển khai thi hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.
10. Công văn số 121/TANDTC-VKHXX ngày 26/6/2015 trao đổi nghiệp vụ phá sản với Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

11. Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ (trong đó giải đáp một số vấn đề vướng mắc trong giải quyết vụ việc phá sản).

12. Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề về tố tụng hành chính (trong đó giải đáp một số vấn đề vướng mắc trong giải quyết vụ việc phá sản).

13. Công văn số 199/TANDTC-PC ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong giải quyết phá sản.